



CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Địa chỉ: Số 854 Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới,
Phường Bình An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Số điện thoại: (0274) 3770 160

Số fax: (0274) 3751 699

Website: www.vkcholdings.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2021



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021

Thông điệp của Tổng Giám đốc



Kính gửi Quý đối tác và khách hàng

VKC Holdings được hình thành và phát triển từ một đơn vị sản xuất Cáp - Điện từ năm 1993. Bằng tâm huyết và khát vọng của đội ngũ kiến trúc sư, kỹ sư, cán bộ công nhân viên đã tạo nên thương hiệu uy tín và đẳng cấp như VKC Holdings ngày nay. Với nhà máy hơn 10.000m² cùng trang thiết bị máy móc tân tiến hiện đại đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và khắt khe của thị trường.

Sau 29 năm không ngừng sáng tạo và hoàn thiện, VKC Holdings đã trở thành thương hiệu top 10 của ngành. Hiện tại chúng tôi đang đầu tư hàng loạt công nghệ máy móc thiết bị hiện đại nhất từ Đức, tập trung sản xuất vào các lĩnh vực kinh doanh mới: Vật liệu xây dựng, gỗ nhựa, nội thất từ nhựa nguyên sinh và nội ngoại thất từ kim loại với xu hướng hiện đại, đơn giản nhưng hiệu quả và sang trọng Sản phẩm nội thất của VKC Holdings là sự kết hợp tinh túy giữa Công nghệ cao và tay nghề điều luyện giữa thiết bị và phụ kiện uy tín của Châu Âu với kỹ thuật sản xuất Công nghệ cao của ngành.

Có hơn 20 năm kinh nghiệm với nhiều vai trò như Kỹ sư, Kiến trúc sư, Giám đốc dự án cho đến Giám đốc điều hành, tôi đã thực hiện một số các dự án mang dấu ấn của tôi như Hòn Tằm Nha Trang, Park Hyatt Sài Gòn, Khách sạn Hilton, sân Golf Indochina Hội An, Lotte Center Hà Nội, Khách sạn Le Meridien, Khách sạn Wink, VinPearl Nha Trang, Landmark 81 và một số dự án trọng điểm của Tập đoàn Vingroup.

Chúng tôi luôn luôn tìm tòi những giải pháp mới nhằm góp phần vào sự thịnh vượng, sự phát triển bền vững của Quý khách hàng. VKC Holdings sẵn sàng đón nhận những cơ hội hợp tác với mọi khách hàng, đối tác và nhà đầu tư.

Chân thành cảm ơn Quý vị đã đồng hành cùng chúng tôi trong thời gian qua.

Trân trọng.

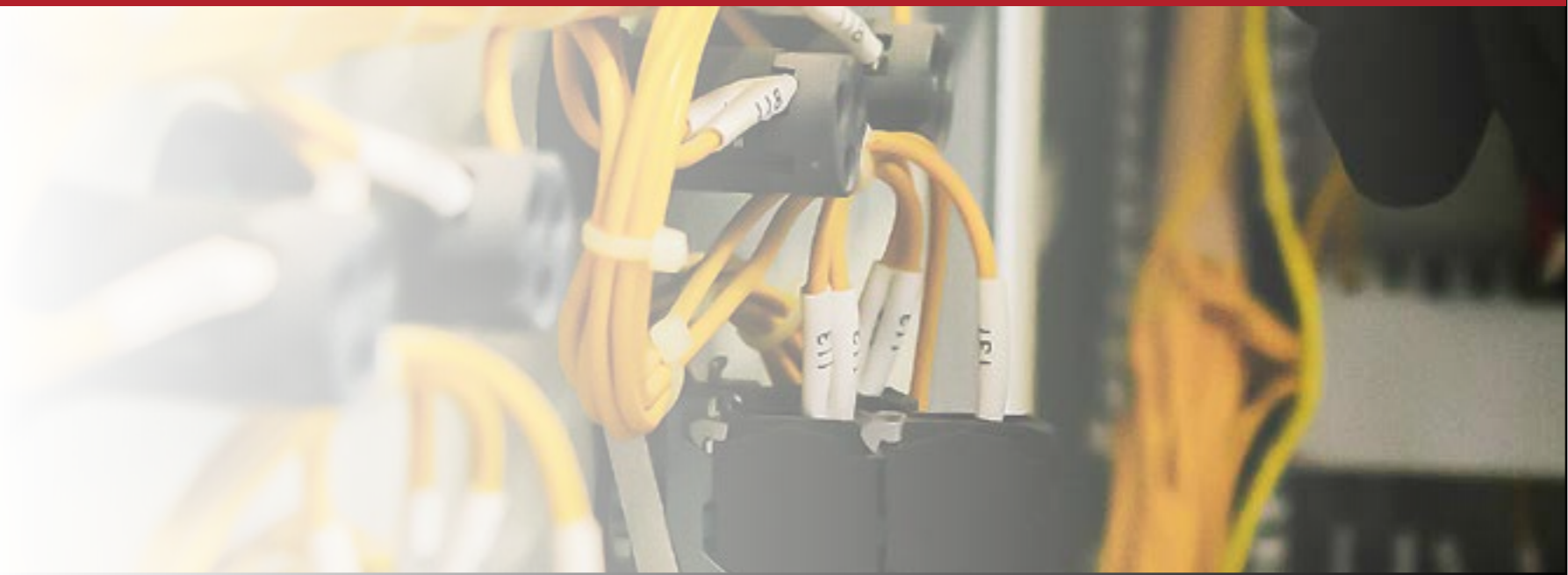
Tổng Giám đốc
Trần Lý Lạc Long Giang



01

THÔNG TIN CHUNG

- 1 - Thông tin khái quát
- 2 - Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 3 - Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 4 - Định hướng phát triển
- 5 - Các rủi ro



Thông tin khái quát

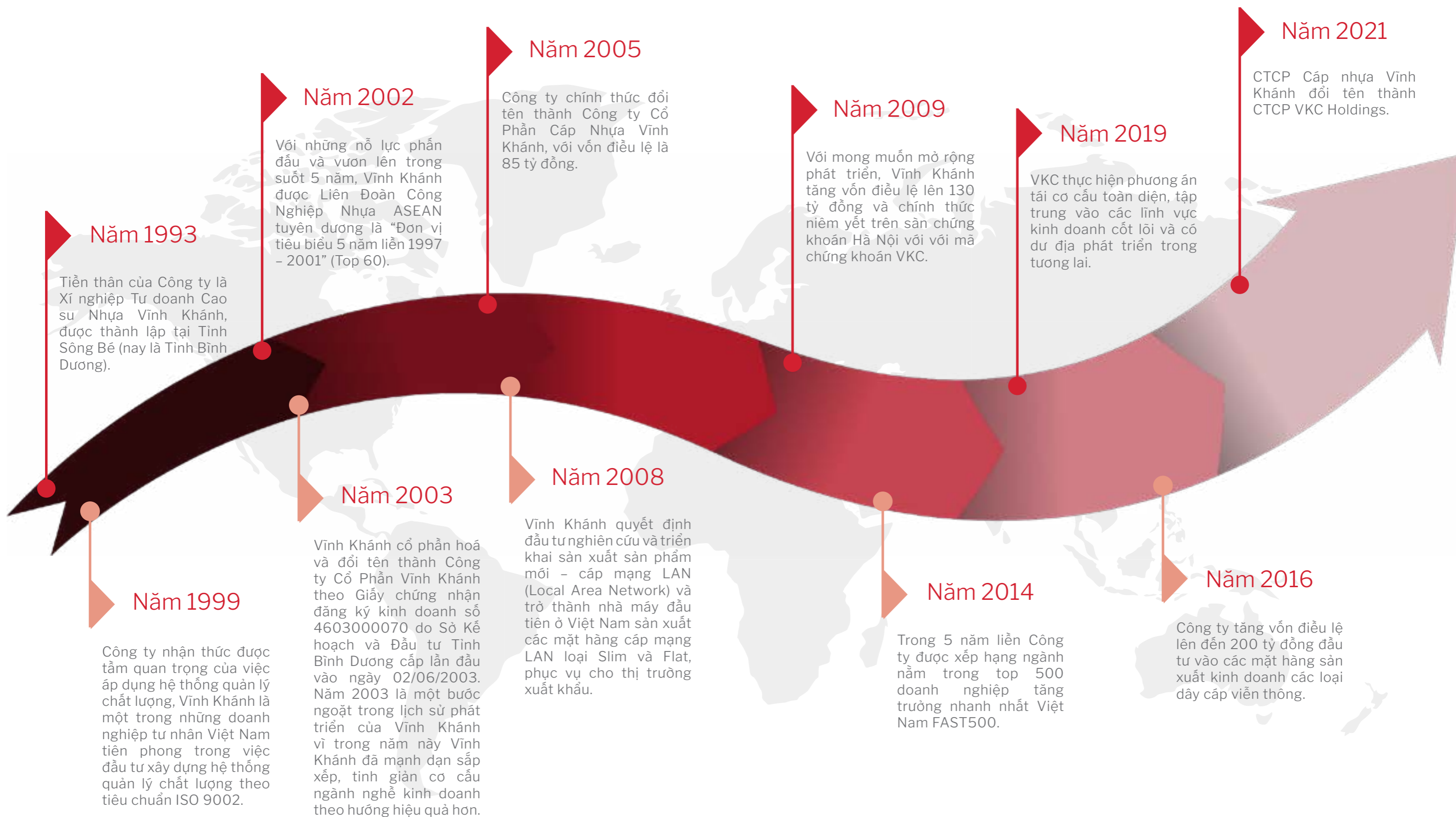


VKC Holdings

Do better everyday

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS	Địa chỉ	Số 854 Quốc lộ 1K, KP Châu Thới, P. Bình An, TP. Dĩ An, Bình Dương
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu vào ngày 02/06/2003. Trong quá trình hoạt động đã đăng ký thay đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3700510650 và đăng ký thay đổi lần thứ 25 vào ngày 06/04/2022.	Số điện thoại	(0274) 3770 160
Vốn điều lệ	200.000.000.000 đồng	Số fax	(0274) 3751 699
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000 đồng	Website	www.vkcholdings.vn
		Email	info@vkcholdings.vn
		Mã cổ phiếu	VKC

Quá trình hình thành và phát triển



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực thương mại	:	Phân phối vỏ xe
Lĩnh vực sản xuất	:	Sản xuất và cung cấp cáp viễn thông và dây điện

Địa bàn kinh doanh

Trong lĩnh vực thương mại vỏ xe, Công ty có hệ thống phân phối trải dài từ Đà Nẵng đến Cà Mau bao gồm 8 chi nhánh và 168 đại lý.

Trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp cáp viễn thông và dây điện, Công ty có hệ thống trải dài từ Bắc vào Nam và xuất khẩu sản phẩm đến các thị trường ngoài nước như khu vực Đông Nam Á, Nhật Bản, Mỹ...



Khách hàng và đối tác



LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

Lốp xe



Dầu nhớt



Accu



Phụ tùng xe



Các sản phẩm nổi bật

LĨNH VỰC SẢN XUẤT



CAT6A UTP - 4PR, PATCH CABLE OR HORIZONTAL CABLE



CAT6A FTP - 4PR, PATCH CABLE OR HORIZONTAL CABLE



CAT6E UTP - 4PR, PATCH CABLE OR HORIZONTAL CABLE



CAT6E FTP - 4PR, PATCH CABLE OR HORIZONTAL CABLE



CAT6A STANDARD PATCH CORD

- Tùy chỉnh chiều dài, bao bì riêng lẻ và màu sắc
Customizable length, packaging and colors
- Bao gồm bộ PLUGG DTN - 1000 CAT6
Pack of PLUGG DTN - 1000 CAT6 tools
- Công suất nhà máy: 400.000 dây / tháng
Factory Capacity: 400,000 pcs/month



CAT6 SLIM PATCH CORD

- Mảnh, độ dày 1.5 mm
Slim profile, 1.5mm thick
- Chỉ sử dụng những sản phẩm riêng của công ty để lắp ra sản phẩm này
We only use our own cables to make patch cords
- Công suất nhà máy: 200.000 dây / tháng
Factory Capacity: 200,000 pcs/month



CAT6A FLAT PATCH CORD

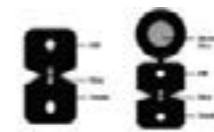
- Độ dày 1.5 mm
Flat profile, 1.5mm thick
- Bao gồm bộ PLUGG DTN - 1000 CAT6
Pack of PLUGG DTN - 1000 CAT6 tools
- Công suất nhà máy: 200.000 dây / tháng
Factory Capacity: 200,000 pcs/month



CAT6E STANDARD PATCH CORD

- Tùy chỉnh chiều dài, bao bì riêng lẻ và màu sắc
Customizable length, packaging and colors
- Chỉ sử dụng những sản phẩm riêng của công ty để lắp ra sản phẩm này
We only use our own cables to make patch cords
- Công suất nhà máy: 400.000 dây / tháng
Factory Capacity: 400,000 pcs/month

Cáp LAN



Cáp FTTH / FTTH Drop Cable

- Đường kính nhỏ, trọng lượng nhẹ
Small Diameter and Light Weight
- Dễ dàng bện cuộn vào hộp
Easy to put into box or a bin
- Có sẵn 1000m/ cuộn và 2000m/ cuộn
Available in 1000m/roll, 2000m/roll
- Nhãn hàng có hoặc không dây treo
With or without messenger wire
- Công suất nhà máy: 5000KM/ tháng
Factory Capacity: 5000KM/month



CÁP TRONG NHÀ
Indoor Fiber Optic Cable

- Độ dày vỏ bảo vệ từ 1.5mm - 2mm
Easy to put into box or a bin
- Có sẵn dây dài 100-10000m, dây ngắn 1-50m
100, 200, 500
- Loại lõi đơn / Single-mode SM-7 (2882) Multimode OM-3 (2887) OM-4 (2888)
- Công suất nhà máy: 2000km/ tháng
Factory Capacity: 2000km/month

Dây nhảy đồng



SC PATCH CORD



ST PATCH CORD



FC PATCH CORD



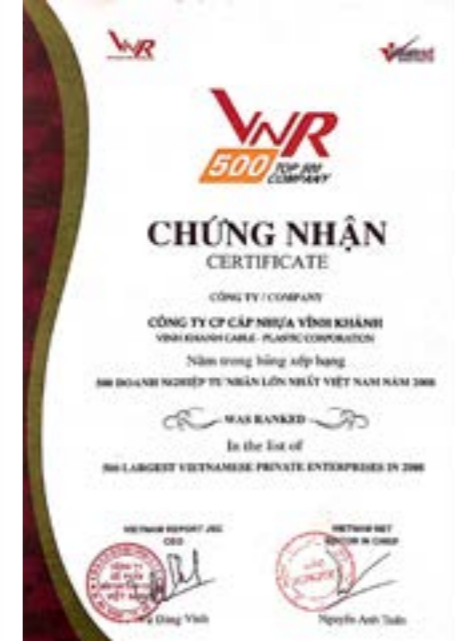
LC PATCH CORD

- Năng suất nhà máy / Factory Capacity: 200.000 cuộn/tháng / 200,000 pcs/month
- Vật liệu bọc / Jacket material: PVC, LSZH
- Đầu kết nối / Connector: FC, SC, ST, LC
- Loại lõi chôn / Female Interface type: PC, UPC or APC
- Lõi dây / Fiber Core: Dây đơn, dây đôi, 4 sợi, 8 sợi...
Single mode, duplex, 4 fibers, 8 fibers etc.
- Loại dây / Fiber type: Dây đơn (G.652, G.656), Đa sợi (R.135)/R.136/
Single mode (G.652, G.656), multimode (R.135)/R.136
- Đường kính dây / Line diameter (mm): Ø3, Ø2, Ø1.5, Ø0.9
- Chiều dài dây / Length (m): L=1, 2, 3, 4, ... meter
- Màu sắc / Color: Vàng, Cam, Xanh, Nâu / Yellow, Orange, Blue, Gray

Dây thuê bao quang

Dây nhảy quang

Các giải thưởng đạt được



Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

VKC Holdings đang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần với cơ cấu tổ chức theo điểm a khoản 1 điều 137 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 bao gồm Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

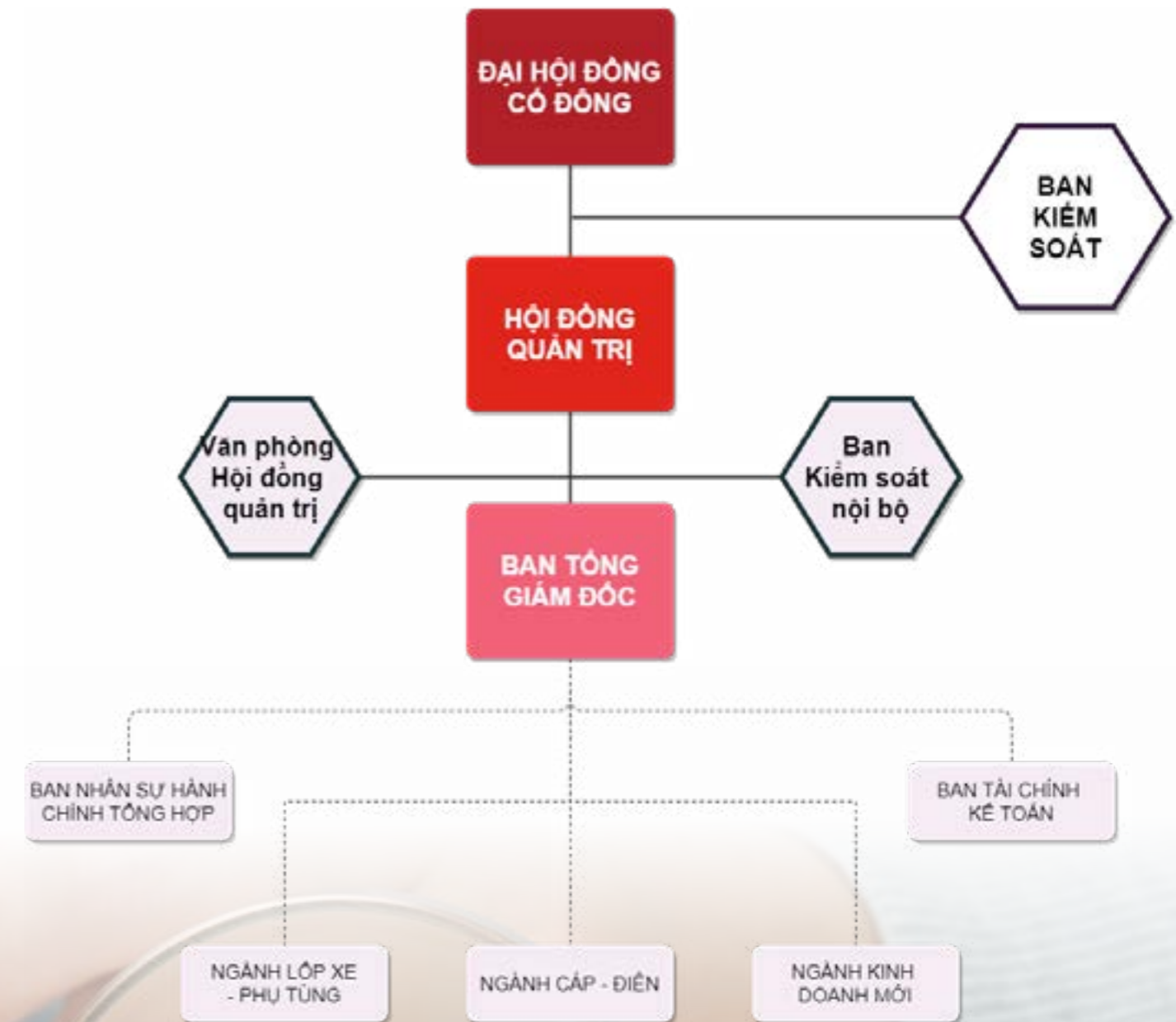
Công ty con, công ty liên kết

Công ty con: Không có

Công ty liên kết: Không có



Cơ cấu bộ máy quản lý



Định hướng phát triển



Tầm nhìn

VKC Holdings định hướng trở thành tập đoàn Sản xuất – Thương mại hàng đầu. Trong chiến lược 5 năm tới, VKC Holdings sẽ chuyển mình, tập trung vào giá trị cốt lõi, định hình là nhà thương mại Lớp xe – Phụ tùng số 1 Việt Nam, nhà sản xuất các sản phẩm uy tín về Cáp viễn thông - Dây điện, Nội thất và các sản phẩm về nhựa.



Định vị

VKC Holdings định vị là một thương hiệu uy tín trên nền tảng gắn kết với sự hài lòng của khách hàng, đối tác và nhân viên công ty. Bằng việc xây dựng một hệ thống quản trị vận hành doanh nghiệp khoa học, VKC Holdings phấn đấu trở thành một tổ chức chuyên nghiệp và hiện đại.



Sứ mệnh

VKC Holdings luôn luôn kiến tạo vì một tương lai tốt đẹp hơn. Những sản phẩm và dịch vụ của VKC Holdings cung cấp luôn vì lợi ích của người tiêu dùng, nâng tầm thương hiệu Việt và góp phần cho sự phồn vinh của xã hội.



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty hướng đến mở rộng thị phần thương mại vỏ xe, chiếm 70 - 75% trên thị trường.

Tối đa hoá lợi nhuận và mang lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông.

Đẩy mạnh năng lực sản xuất, cải tiến khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm các ngành nghề đang là thế mạnh của VKC Holdings.

Mở rộng mạng lưới truyền thông, quảng bá thương hiệu mạnh mẽ, tạo nên một thương hiệu VKC Holdings vững mạnh, uy tín và mang đậm dấu ấn doanh nghiệp không chỉ ở thị trường trong nước mà còn lan tỏa trên thế giới.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty nỗ lực đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, tiến hành hoạt động nghiên cứu thị trường nhằm tìm kiếm các cơ hội kinh doanh.

Công ty hoạch định chiến lược quảng bá sản phẩm, mở rộng hệ thống phân phối và kèm theo các chính sách phân phối hiệu quả.

Công ty đẩy mạnh đầu tư và nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm.

Công ty nghiên cứu, phát triển và nâng cao thương hiệu VKC bao gồm ở thị trường trong và ngoài nước.



Các giá trị cốt lõi

- CAM KẾT - Cung cấp hàng hoá đúng chất lượng - đúng tiêu chuẩn, dịch vụ uy tín - tin cậy.
- CHÍNH TRỰC - Liêm chính, trung thực trong ứng xử và trong tất cả giao dịch.
- TẬN TÂM - Làm việc với tất cả niềm đam mê, nhiệt huyết và tinh thần trách nhiệm cao vì sự phát triển của Công ty.
- TRÍ TUỆ - Sáng tạo trong ý tưởng, cải tiến trong sản xuất, quy tụ tinh hoa trí tuệ đưa vào giá trị sản phẩm dịch vụ Công ty cung cấp.

Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Năm 2021 là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Khi đại dịch COVID-19 chưa có dấu hiệu dừng lại và ngày càng diễn biến phức tạp hơn do sự xuất hiện của các biến chủng mới. Mức tăng trưởng GDP năm 2021 ở nước ta đạt 2.58%, là mức tăng thấp nhất trong thập kỷ gần đây. Do tác động bởi dịch bệnh, lĩnh vực sản xuất dây cáp quang lẫn kinh doanh vỏ xe đều chịu ảnh hưởng không hề nhỏ, dẫn đến tình trạng chung là tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gặp nhiều thách thức, doanh thu liên tục sụt giảm so với cùng kỳ năm trước. Với mục tiêu mở rộng thị phần, nâng cao vị thế vậy nên, Công ty luôn chủ động theo dõi và cập nhật các trạng thái của nền kinh tế vĩ mô nhằm hoạch định những chính sách phù hợp để dự phòng cho các rủi ro có thể xảy ra.



Rủi ro pháp luật

VKC Holdings hoạt động theo mô hình CTCP và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội nên mọi hoạt động của VKC đều chịu sự điều chỉnh của các bộ luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán... Bên cạnh đó, Công ty là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp các loại cáp - điện, thương mại lốp xe vậy nên còn phải tuân theo Luật Bảo vệ môi trường và một số các văn bản liên quan. Do đó, VKC luôn theo dõi, cập nhật các quy định mới, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh khi các văn bản pháp luật có sự điều chỉnh, đảm bảo quá trình hoạt động của Công ty diễn ra liên tục và tuân thủ đúng các quy định pháp luật.



Rủi ro lãi suất

Trước sự ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch COVID-19 đến nền kinh tế, NHNN đã 3 lần cắt giảm lãi suất điều hành, từ đó các ngân hàng cũng đưa ra các chính sách vay ưu đãi kích cầu tín dụng. Điều này vừa nhằm mục đích tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp vừa chuẩn bị cho giai đoạn phục hồi nền kinh tế. Dựa trên báo cáo tài chính của VKC tính đến thời điểm 31/12/2021, công ty có khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn ghi nhận 281,79 tỷ đồng, trong đó vay ngắn hạn chiếm và vay dài hạn chiếm lần lượt là 99,99% và 0,01% trên tổng nợ vay tài chính. Các khoản vay của VKC hiện nay chủ yếu là những khoản vay tín chấp tại các ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát, nền kinh tế phục hồi, lãi suất điều hành tăng trở lại sẽ gây ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Vậy nên, Công ty luôn đề ra các phương án giảm thiểu rủi ro tổn thất và hạn chế ảnh hưởng của lãi suất như lên kế hoạch thanh toán đúng hạn đối với từng khoản vay. VKC thường xuyên theo dõi biến động lãi suất trên thị trường để chủ động đưa ra những phương pháp giảm thiểu tối đa những tác động từ rủi ro lãi suất, đồng thời tận dụng cơ hội từ chính sách chính phủ để có thể sử dụng được nguồn vốn với chi phí thấp.



Rủi ro tỷ giá



Đối với lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là ngành cấp, nguyên vật liệu dây đồng chiếm tỷ trọng 65% trong giá thành sản xuất. Ngoài ra, các nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất của VKC chủ yếu là nhập khẩu từ các nhà cung cấp lớn tại nước ngoài. Vì vậy nên Công ty sẽ chịu ảnh hưởng từ biến động lớn của giá đồng USD. Khi tỷ giá có những biến động khó lường sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình biến động tỷ giá để có những biện pháp phòng ngừa một cách kịp thời, giảm thiểu tác hại đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu sản xuất dây cáp quang

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm vậy nên sự biến động giá cả của nguyên vật liệu sẽ gây tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, các nguyên liệu chính trong sản xuất là nhôm, đồng và nhựa. Tình hình giá nguyên vật liệu đầu vào nhìn chung đều có biến động tăng. Trong năm 2021, do tình trạng tồn trữ nhôm diễn ra tại Trung Quốc dẫn đến giá nhôm tăng mạnh (giá nhôm tăng mạnh với mức giá trên \$2760/T). Bên cạnh đó, giá đồng cũng diễn biến tăng và được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng trong tương lai khi nền kinh tế toàn cầu dần phục hồi, dịch bệnh được kiểm soát khi có sự xuất hiện của vắc xin. Để đối phó với nguy cơ biến động giá cả nguyên vật liệu này VKC đã tiến hành hoạch định chiến lược sản xuất, theo dõi và nghiên cứu đánh giá về sự biến động của giá nguyên liệu trên thế giới làm cơ sở cho việc dự trữ, hợp lý hoá các quy trình sản xuất để giảm hao hụt nguyên vật liệu...



Rủi ro cạnh tranh

Đối với lĩnh vực sản xuất và cung cấp các loại dây cáp:

Hiện nay, trong cả hoạt động sản xuất kinh doanh lẫn trong sinh hoạt đời sống, nhu cầu sử dụng Internet ngày càng tăng, vậy nên các sản phẩm dây cáp cũng ngày càng đa dạng nhằm đáp ứng các nhu cầu của khách hàng. Tuy nhiên để duy trì được tốc độ mạng thì các loại dây cáp cần đạt được các tiêu chí về chất lượng, bền bỉ và truyền dẫn tốt. Đáng báo động rằng trên thị trường đã và đang xuất hiện những loại cáp được làm giả theo các hãng cáp mạng lớn gây ra sự nhiễu loạn trên thị trường dây cáp với lõi cáp làm từ vật liệu rẻ tiền, thiết kế độ xoắn không phù hợp, không tương thích với các thông số kỹ thuật trên thiết bị. Khi xuất hiện các sản phẩm cáp nhái của VKC, kém chất lượng ít nhiều sẽ gây ảnh hưởng đến thương hiệu VKC. Để hạn chế rủi ro đó, Công ty đã thực hiện một số biện pháp phòng ngừa tình trạng hàng giả. Công ty đã tiến hành sử dụng tem chống hàng giả trên các sản phẩm và cập nhật danh sách những đại lý bán hàng uy tín để khách hàng có thể mua được sản phẩm chính hãng của VKC.



Đối với lĩnh vực thương mại vỏ xe:

Hiện nay, Việt Nam đang trong giai đoạn hội nhập nền kinh tế thế giới, Chính phủ không ngừng đưa ra những chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước gia nhập ngành vỏ xe, điều này dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Đối tác của VKC là các doanh nghiệp sản xuất tại Việt Nam như Bridgestone, Chengshin, Maxxis... Mức độ cạnh tranh trong ngành ngày một gia tăng do các doanh nghiệp đang ngày càng mở rộng hệ thống phân phối các sản phẩm. Điều này đòi hỏi VKC cần liên tục cập nhật tình hình kinh doanh vỏ xe trên thị trường để từ đó đưa ra các chính sách mua hàng hấp dẫn, tạo được lợi thế cạnh tranh cho các sản phẩm mà Công ty nhập khẩu độc quyền.



“ Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như các hiện tượng thiên tai, hạn hán, bão lụt, hoả hoạn, dịch bệnh... đều gây tác động lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro thiệt hại, VKC đã có những công tác như theo dõi, kiểm tra, bảo trì các máy móc thiết bị, cập nhật tin tức, ký kết hợp đồng bảo hiểm về tài sản cũng như con người để hạn chế thấp nhất những tổn thất có thể xảy ra.





02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1 - Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 - Tình hình tài chính
- 3 - Tổ chức và nhân sự
- 4 - Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 5 - Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng/ Giảm
1	Doanh thu bán hàng	1.026.638.735.707	881.837.962.781	85,90%
2	Doanh thu cho thuê mặt bằng	7.715.269.981	4.131.680.164	53,55%
Tổng cộng		1.034.354.005.688	885.969.642.945	85,65%

Kết thúc năm 2021, doanh thu thuần của VKC ghi nhận 885,97 tỷ đồng, giảm 14,35% so với năm 2020. Trong đó, doanh thu bán hàng đạt 881,84 tỷ đồng, giảm 85,90% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng bởi lệnh giãn cách xã hội kéo dài, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gần như ngưng trệ trong cả quý III/2021, dẫn đến doanh thu bán mặt hàng như vỏ xe, cáp điện của Công ty giảm so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, doanh thu cho thuê mặt bằng cũng giảm 46,45% so với cùng kỳ do hoạt động kinh doanh, thương mại, dịch vụ chịu tác động tiêu cực từ các lệnh hạn chế tập trung của Nhà nước, điều này đã phần nào tác động đến doanh thu cho thuê mặt bằng của VKC.



Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng/ Giảm
1	Tổng giá trị tài sản	616.779.649.548	681.575.067.011	110,51%
2	Doanh thu thuần	1.034.354.005.688	884.133.845.245	85,48%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.222.268.447	3.715.018.510	303,94%
4	Lợi nhuận khác	58.892.723	(587.489.268)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	1.281.161.170	3.127.529.242	244,12%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.001.925.990	2.322.244.815	231,78%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

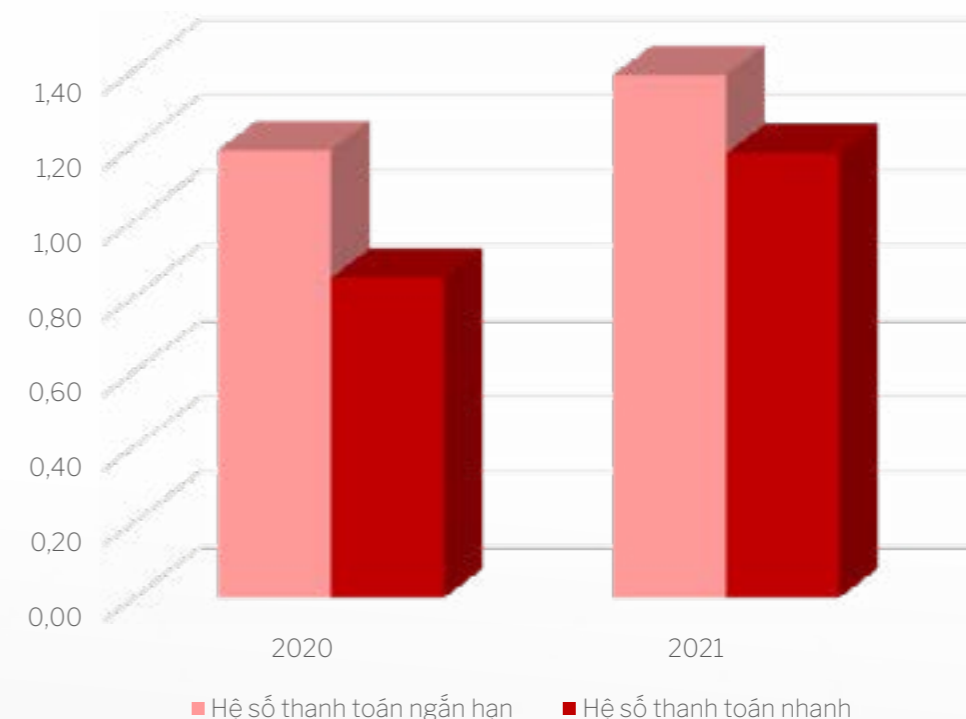
Kết thúc năm 2021, do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID -19, giãn cách xã hội kéo dài trên diện rộng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, doanh thu của Công ty đã giảm 14,52% so với năm 2020. Tuy nhiên, VKC đang trong quá trình tái cơ cấu hoạt động, việc kiểm soát các chi phí hoạt động như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng... đã có hiệu quả dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 3,72 tỷ đồng, tăng 203,94% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế đạt 2,32 tỷ đồng, tăng 131,78% so với cùng kỳ.



Các tỷ số tài chính

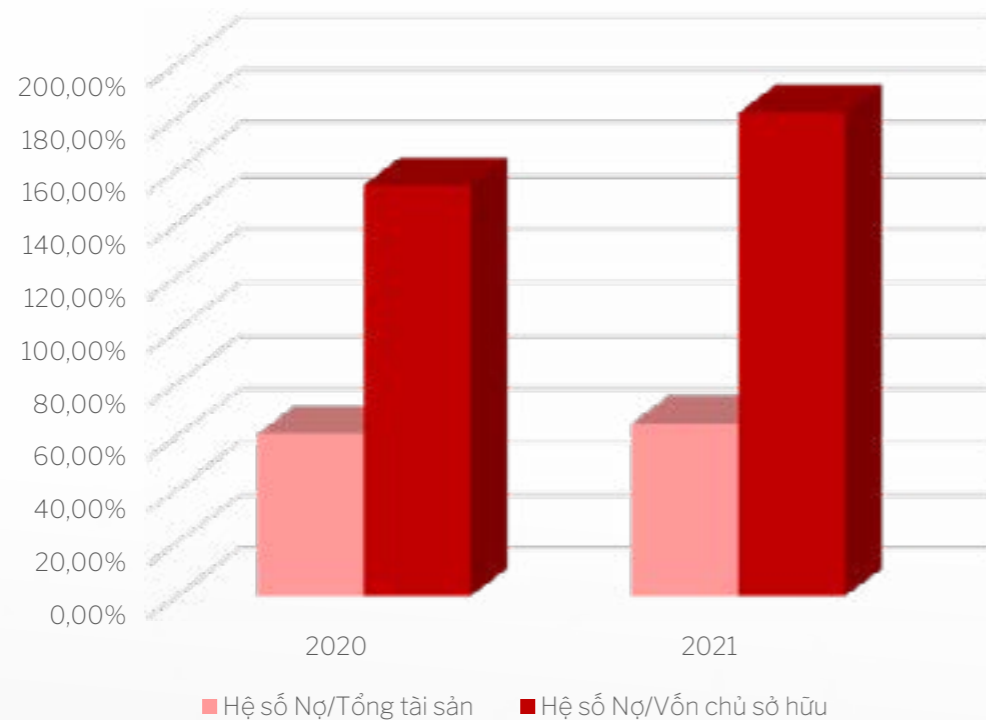
Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,19	1,39
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,85	1,18
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,61	0,65
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,55	1,82
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	8,11	8,61
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,74	1,37
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,10	0,27
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,42	1,00
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,17	0,37
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,12	0,43

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của VKC trong năm 2021 đều ghi nhận sự cải thiện. Cụ thể hơn, hệ số thanh toán ngắn hạn đã tăng từ 1,19 lần lên 1,67 lần; hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 0,85 lần lên 1,17 lần. Nguyên nhân chính chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn đã lên đến 532,52 tỷ đồng, tăng 19,69% so với cùng kỳ. Lý giải cho sự gia tăng của tài sản ngắn hạn đến từ các khoản phải thu ngắn hạn đã tăng 38,80% so với cùng kỳ do ghi nhận khoản tiền VKC đã đặt cọc để thực hiện mua cổ phần của Công ty TNHH TOCCOO Việt Nam trị giá 106,75 tỷ đồng. Bên cạnh đó, hàng tồn kho cũng tăng 26,82% so với cùng kỳ, ghi nhận 160,10 tỷ đồng do lượng tồn kho cấp đồng, cấp mạng lan chưa tiêu thụ được đã tăng 75,32% so với cùng kỳ. Ngoài ra, nợ ngắn hạn của VKC trong kỳ đã giảm 14,93% so với cùng kỳ, ghi nhận 318,34 tỷ đồng. Trong năm 2021, Công ty đã tắt toán xong các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – Chi nhánh Tân Bình và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. HCM, đồng thời, do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID -19, các doanh nghiệp thay đổi chính sách cấp tín dụng, hạn chế các khoản ứng trước khiến các khoản phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn cũng lần lượt giảm 42,22% và 99,42% so với cùng kỳ.

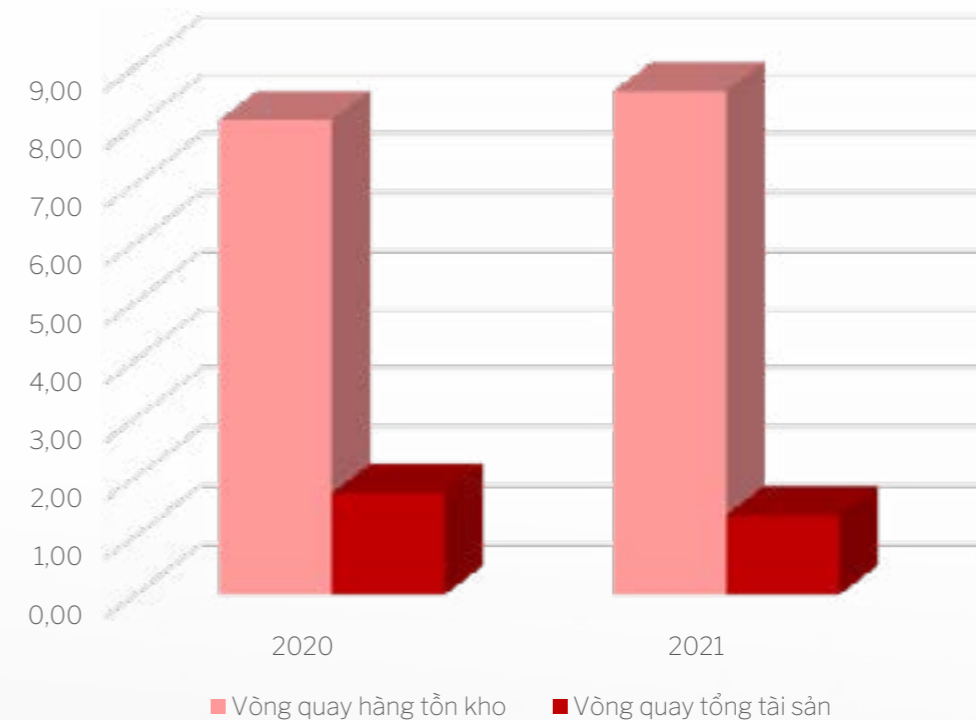
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Tại thời điểm 31/12/2021, hệ số Nợ/Tổng tài sản đã tăng từ 60,84% lên 64,23%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ nợ phải trả đã lên đến 437,75 tỷ đồng, tăng 16,66% so với cùng kỳ do trong kỳ, VKC đã phát hành trái phiếu dài hạn trị giá 119,10 tỷ đồng nhằm mua lại 85% vốn điều lệ của Công ty TNHH TOCCOO Việt Nam. Bên cạnh đó, tổng tài sản cũng tăng 10,51% so với cùng kỳ, đạt 681,58 tỷ đồng do tài sản ngắn hạn đã lên đến 532,52 tỷ đồng, tăng 19,69% so với cùng kỳ.

Diễn biến cùng chiều với hệ số Nợ/Tổng Tài sản, hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu cũng đã tăng từ 155,34% lên 179,53%. Bên cạnh sự gia tăng của nợ phải trả, vốn chủ sở hữu đã tăng nhẹ 0,94% so với cùng kỳ do việc kiểm soát tốt các chi phí hoạt động đã dẫn đến lợi nhuận sau thuế đã tăng 131,78% so với cùng kỳ, đạt 2,32 tỷ đồng.

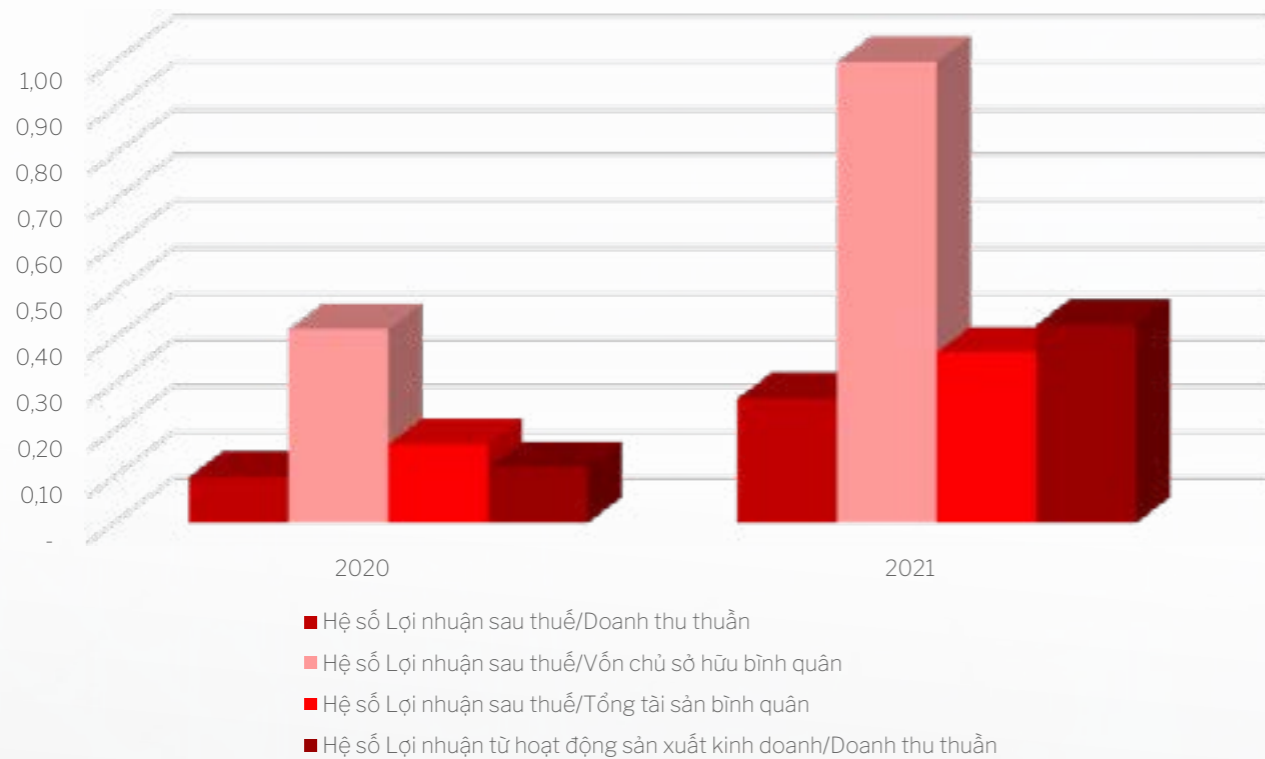
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Kết thúc năm 2021, vòng quay hàng tồn kho của Công ty đã giảm từ 8,11 vòng xuống còn 5,84 vòng. Hàng tồn kho trong kỳ đã tăng thêm 33,86 tỷ đồng, tương đương 30,07% so với cùng kỳ. Đóng góp vào mức tăng của hàng tồn kho chủ yếu là cấp đồng, cấp mạng lan chưa bán được do thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt. Có thể thấy, với việc tồn kho ngày càng nhiều cấp đồng, cấp mạng lan sẽ là một thách thức của VKC khi phải đối mặt với nguy cơ thị hiếu, nhu cầu tiêu dùng của người tiêu dùng thay đổi.

Diễn biến cùng chiều với vòng quay hàng tồn kho, vòng quay tổng tài sản cũng giảm từ 1,74 vòng xuống còn 1,36 vòng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ doanh thu của VKC trong năm 2021 đã giảm 150,22 tỷ đồng, tương đương với mức giảm 14,52% so với cùng kỳ năm trước do chịu ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19, lệnh giãn cách xã hội kéo dài khiến hoạt động kinh doanh của VKC bị ngưng trệ trong cả quý III/2021.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Nhìn chung, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của VKC đều được cải thiện so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc kiểm soát tốt các chi phí hoạt động nên dù doanh thu thuần sụt giảm nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn ghi nhận tăng 131,78% so với cùng kỳ. Kết thúc năm 2021, các chỉ số ROE, ROA, ROS lần lượt ghi nhận kết quả là 0,96%, 0,36% và 0,26%.



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Lý Lạc Long Giang	Tổng Giám đốc	0	0%
2	Ông Nguyễn Đức Lộc	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
3	Bà Trần Ngọc Mai	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
4	Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng	0	0%

Những thay đổi trong Ban Điều hành trong năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Trần Lý Lạc Long Giang	Tổng Giám đốc		29/03/2022
2	Ông Trần Hoàng An	Tổng Giám đốc	29/03/2022	06/12/2021
3	Ông Nguyễn Đức Lộc	Phó Tổng Giám đốc		30/11/2021
4	Bà Trần Ngọc Mai	Phó Tổng Giám đốc		09/12/2021
5	Ông Võ Thiên Chương	Tổng Giám đốc	30/11/2021	15/6/2020
6	Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	30/11/2021	15/6/2020
7	Ông Đỗ Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	30/11/2021	15/6/2020



Ông Trần Lý Lạc Long Giang – Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 22/09/1977
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy; Kiến trúc sư ngành thiết kế trang trí nội thất
- Quá trình công tác:
 - 2002 - 2010: Giám đốc điều hành sản xuất tại Tập đoàn Khai Vy
 - 2011 - 2014: Giám đốc điều hành tại Công ty Lecade
 - 2015 - 2018: Giám đốc điều hành sản xuất tại Tập đoàn Trường Thành
 - 2019 - 2021: Chuyên viên tư vấn chuyển đổi số và kiến trúc
 - 2022 - nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VKC Holdings
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần (0% VDL)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0 cổ phần (0% VDL)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Ông Nguyễn Đức Lộc – Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 14/11/1980
- Nơi sinh: Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 2009 - 2021: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới và xe
 - 12/2021 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VKC Holdings
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần (0% VDL)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0 cổ phần (0% VDL)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có





Bà Trần Ngọc Mai – Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 01/01/1981
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 2011 - 2022: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh Viễn Thông tại Công ty Cổ phần SAMETEL
 - 2022 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VKC Holdings
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần (0% VDL)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0 cổ phần (0% VDL)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng – Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 30/01/1986
- Nơi sinh: Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
 - 2010 - 2019: Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần VKC Holdings
 - 2019 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần VKC Holdings
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần (0% VDL)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0 cổ phần (0% VDL)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



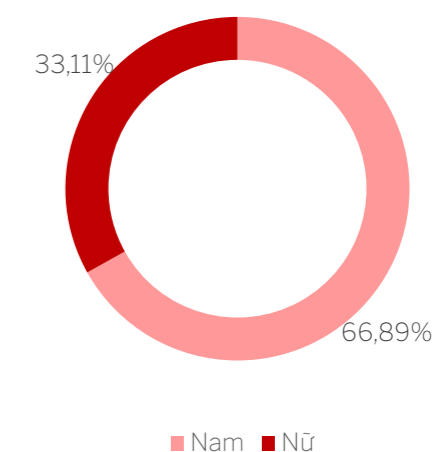
Số lượng cán bộ nhân viên

STT	Tiêu chí	Năm 2020		Năm 2021	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I Theo trình độ lao động					
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	25	16,34%	24	16,22%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	17	11,11%	19	12,84%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	2	1,31%	2	1,35%
4	Lao động phổ thông	109	71,24%	103	69,59%
II Theo giới tính					
1	Nam	105	68,63%	99	66,89%
2	Nữ	48	31,37%	49	33,11%
III Theo độ tuổi					
1	Từ 18 đến 25 tuổi	23	15,03%	17	11,49%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	58	37,91%	56	37,84%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	51	33,33%	47	31,76%
4	Trên 45	21	13,73%	28	18,92%
Tổng cộng		153	100,00%	148	100,00%

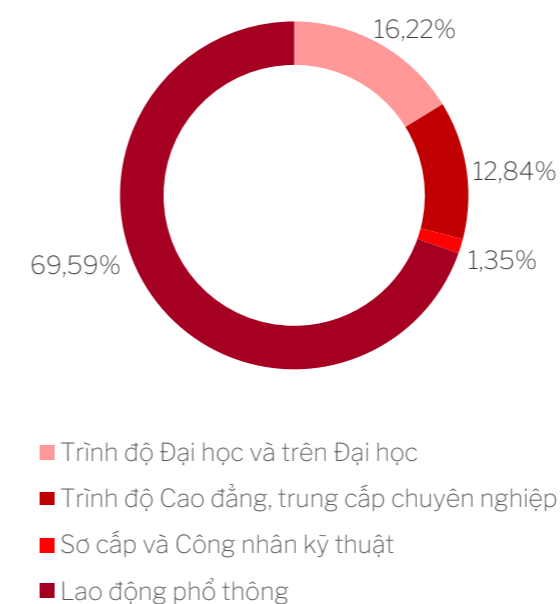
Thu nhập bình quân

Năm	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng)	5.700.000	5.900.000	6.200.000	6.500.000

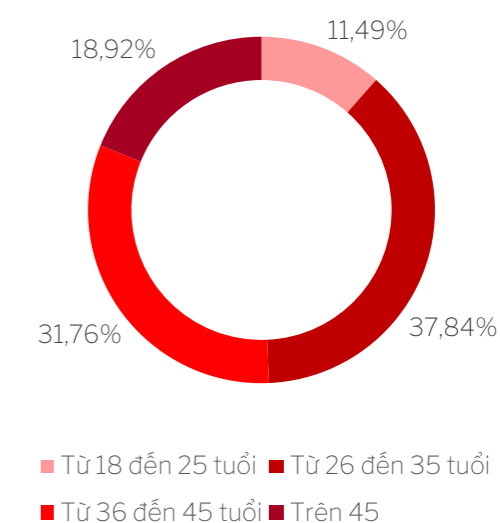
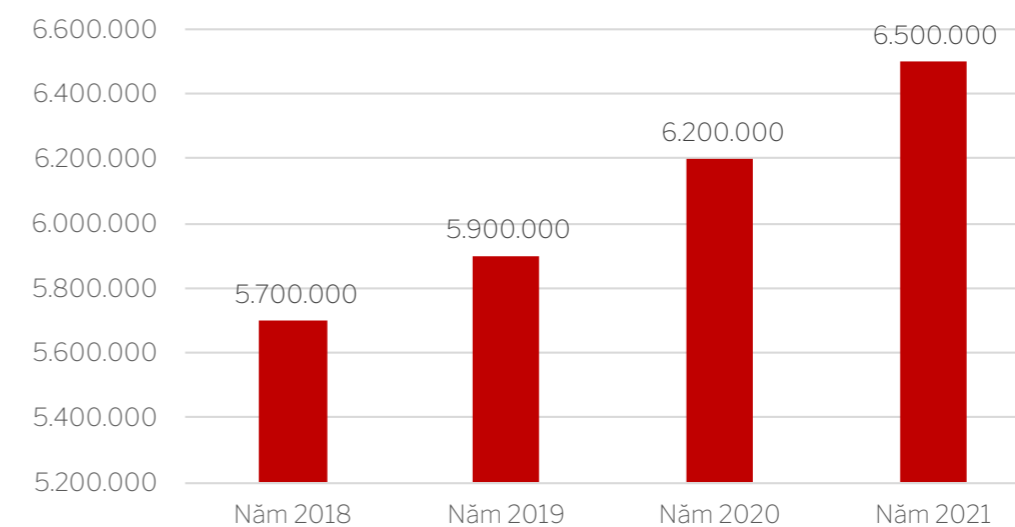
Theo giới tính



Theo trình độ lao động



Theo độ tuổi

Thu nhập bình quân của người lao động
(đồng/người/tháng)

Chính sách nhân sự

Môi trường làm việc

Công ty luôn xây dựng môi trường làm việc tốt nhất, tạo động lực cho các cán bộ nhân viên hoàn thành nhiệm vụ, trách nhiệm được giao. Người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động khi sản xuất. VKC luôn đề cao tính an toàn trong lao động, các máy móc, trang thiết bị trong Công ty luôn được rà soát, tiến hành kiểm định theo yêu cầu pháp luật. Ngoài ra, Công ty luôn tổ chức các hoạt động ngoại khoá nhằm kết nối người lao động, xây dựng một môi trường làm việc thân thiện.



Chính sách tuyển dụng

Để hoạt động sản xuất kinh doanh tiến triển ổn định, ngoài vấn đề đào tạo, tìm kiếm và xây dựng đội ngũ nhân viên chất lượng cao, VKC còn thu hút thêm các lực lượng người lao động bằng các chính sách đãi ngộ hấp dẫn, mức lương thưởng dựa trên năng lực và môi trường làm việc vô cùng kỷ luật mang đầy tính sáng tạo. Công ty luôn thu hút tuyển dụng nhân tài, đề cao việc sáng tạo và tính tuân thủ. VKC đưa ra các yêu cầu về tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn, tay nghề, kinh nghiệm và tương đương với các yêu cầu đó thì các chính sách lương thưởng, đãi ngộ cũng được thực hiện phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng môi trường làm việc hoà đồng, tuyển dụng nhân lực năng động, sáng tạo, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ để cùng VKC ngày càng phát triển.

Chính sách đào tạo

Với mục tiêu mở rộng thị phần, nâng cao chất lượng sản phẩm, Công ty nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực do đó Công ty đẩy mạnh việc xây dựng đội ngũ nhân sự với kỹ năng tay nghề cao, chuyên môn nghề nghiệp vững chắc. Công ty duy trì các kế hoạch và chính sách đào tạo để bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn cho các cán bộ nhân viên, đặc biệt là đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân và trình độ nghiệp vụ cho khối cán bộ quản lý. Bên cạnh đó, VKC cũng mời những chuyên gia trong ngành đến để thực hiện hướng dẫn về các quy trình vận hành máy móc, trang thiết bị hiện đại, sử dụng công nghệ mới để từ đó nâng cao tay nghề cho nhân viên. Hơn thế nữa, để đảm bảo an toàn trong lao động, lực lượng công nhân được đào tạo thêm về các kiến thức phòng cháy chữa cháy nhằm đảm bảo nguyên tắc an toàn là trên hết.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Lực lượng lao động là nguồn lực hỗ trợ Công ty trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty luôn thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật như các vấn đề liên quan đến BHXH, BHYT, BHTN dựa trên mức lương được nhận. Mức lương thưởng trong Công ty được theo dõi dựa trên năng lực, hiệu suất làm việc, khả năng đóng góp cho VKC và được tính toán một cách công bằng, minh bạch. Công ty luôn tạo chính sách lương cạnh tranh với thị trường lao động trong nước. Bên cạnh đó để thu hút nhân tài gắn bó lâu dài, Công ty thực hiện các chính sách thăng tiến linh hoạt. Ngoài mức lương được cân chỉnh phù hợp, Công ty còn có chính sách đãi ngộ, thưởng vô cùng hấp dẫn cho tất cả người lao động nhằm mục đích khuyến khích, thúc đẩy sự đóng góp của người lao động đối với Công ty.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn: Không có

Các công ty con, công ty liên kết: Không có



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

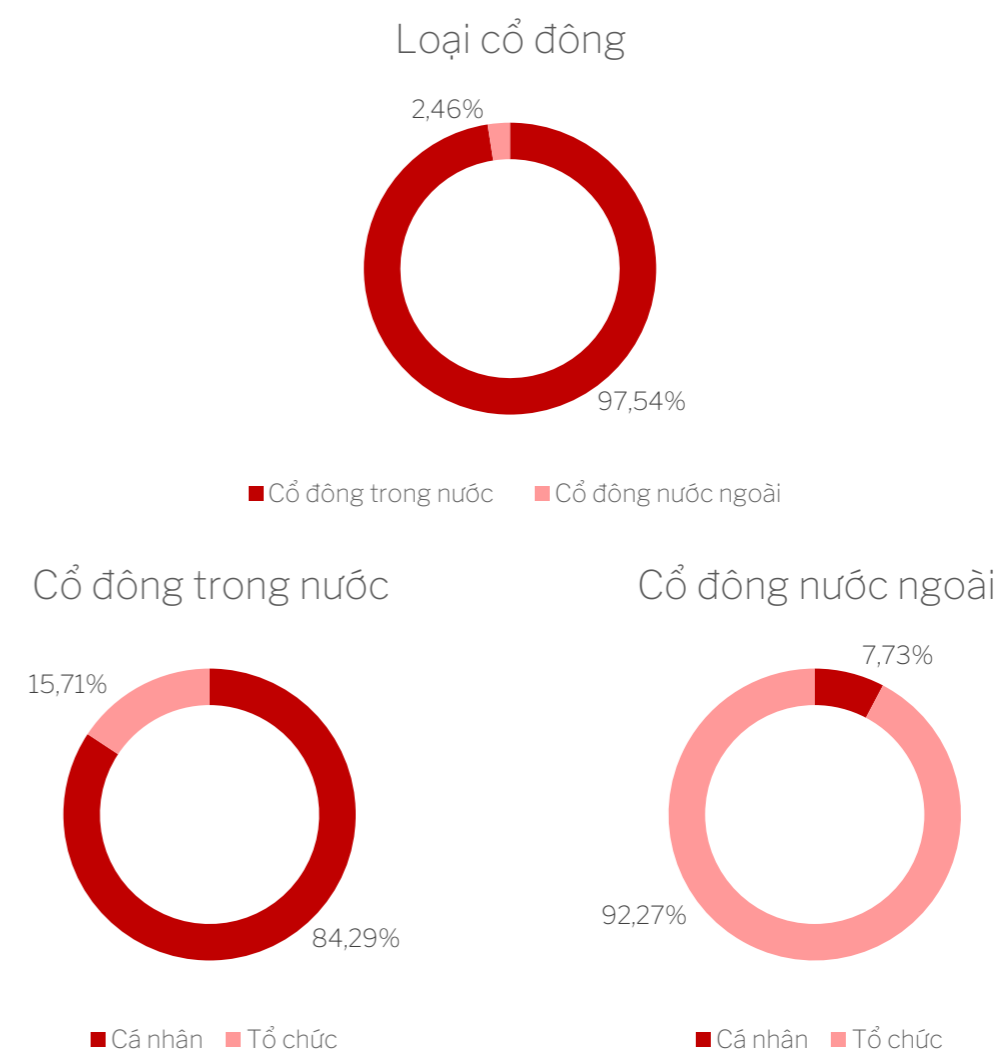


Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 31/12/2021

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	19.508.203	195.082.030.000	97,54%
1	Cá nhân	16.443.118	164.431.180.000	84,29%
2	Tổ chức	3.065.085	30.650.850.000	15,71%
II	Cổ đông nước ngoài	491.797	4.917.970.000	2,46%
1	Cá nhân	37.997	379.970.000	7,73%
2	Tổ chức	453.800	4.538.000.000	92,27%
Tổng cộng		20.000.000	200.000.000.000	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%



Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành	Số vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Đối tượng chào bán	Căn cứ pháp lý
1	2003	85.000				Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/06/2003
2	2007	85.000	1.400	86.400	Cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ/ĐHĐCĐ-09 ngày 20/10/2009
3	2007	86.400	13.600	100.000	Cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ/ĐHĐCĐ-09 ngày 20/10/2009

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước phát hành	Số vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Đối tượng chào bán	Căn cứ pháp lý
4	2007	100.000	5.500	105.500	Cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ/ĐHĐCĐ-09 ngày 20/10/2009
5	2009	105.500	24.500	130.000	Cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ/ĐHĐCĐ-09 ngày 20/10/2009
6	2016	130.000	70.000	200.000	Cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ/ĐHĐCĐ ngày 29/04/2016

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



03

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 1- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty
- 2 - Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Tác động lên môi trường

Thương hiệu Cáp nhựa Vĩnh Khánh đã được xây dựng hơn 25 năm, ngoài việc tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị phần thì VKC còn hướng đến thực hiện các công tác kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh tại các nhà máy, đảm bảo tất cả hoạt động đều thực hiện theo đúng quy định của pháp luật liên quan vấn đề bảo vệ môi trường.



Công ty thực hiện các hoạt động tiết kiệm năng lượng nhằm giảm thiểu khí nhà kính thải ra môi trường. Các công tác xử lý chất thải, nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt được thực hiện được quản lý chặt chẽ, đảm bảo tuân theo đúng quy định bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Công ty chú trọng khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, triển khai hạn chế phát thải khí nhà kính trong quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty luôn nghiêm túc thực hiện, chấp hành các quy định của Nhà nước liên quan đến việc thực hiện quản lý nguồn nguyên vật liệu, các chính sách, chủ trương bảo vệ môi trường.

Công ty thực hiện định kỳ đánh giá mức sử dụng nguyên vật liệu từ đó đưa ra các giải pháp cải tiến phù hợp để trách xả thải, gây tác động tiêu cực đến môi trường.

Đối với lĩnh vực sản xuất và phân phối các loại dây cáp, Công ty nghiên cứu và nhập khẩu từ các nhà cung cấp lớn, đảm bảo nguồn nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại đến môi trường.



Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng chủ yếu phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của VKC là điện năng nhằm phục vụ cho hoạt động của các chuyền máy. Ngoài ra, Công ty sử dụng dầu DO để cung cấp cho các phương tiện vận chuyển. VKC luôn lên kế hoạch, sử dụng năng lượng một cách hợp lý. Bên cạnh đó, Công ty định kỳ kiểm tra các máy móc, thiết bị, nâng cấp dây chuyền sản xuất nhằm vừa đảm bảo chất lượng sản phẩm đưa ra thị trường, đảm bảo sử dụng nguồn năng lượng một cách hiệu quả, tiết kiệm.

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng tại nhà máy là nước thủy cụ do Xí nghiệp cấp nước Dĩ An cung cấp. Trong toàn bộ hệ thống nhà máy, lượng nước luôn được sử dụng một cách hiệu quả, tránh lãng phí tài nguyên nước. Công ty còn đề cao việc tái sử dụng nguồn nước phát sinh trong quá trình hoạt động. VKC luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, đưa ra các chính sách tối ưu nguồn nước ở các nhà máy và khu vực văn phòng, đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên nước và phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

VKC luôn chú trọng việc quản lý nguồn nguyên vật liệu, nhiên liệu, các thiết bị công nghệ thuộc dây chuyền sản xuất và cung cấp, hạn chế việc sử dụng nguyên vật liệu phung phí, đảm bảo các máy móc, thiết bị không bị hư hỏng, rò rỉ chất thải gây hại đến môi trường. Trong năm 2021, VKC không có vi phạm nào liên quan đến luật pháp và các quy định về môi trường.



Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn cố gắng xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, tạo nên một môi trường làm việc năng động, sáng tạo, an toàn cho nhân viên. VKC đã và đang tiếp tục thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động dựa trên các quy định của pháp luật. Mức thu nhập của người lao động được cải thiện theo thời gian, dựa trên hiệu quả, năng suất công việc, mức gắn bó với Công ty nhằm khuyến khích tinh thần hăng say làm việc của các cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, đối với các nhân viên được quy hoạch Công ty sẽ cử đi tham gia đào tạo các khoá bồi dưỡng bên ngoài các kiến thức về quản lý và kỹ thuật liên quan theo từng vị trí công việc. Ngoài ra, với mức lương được cân chỉnh phù hợp trung bình 6,5 triệu đồng/người/tháng, Công ty còn quan tâm đến đời sống của các nhân viên, từ đó, sức khoẻ tinh thần của mỗi cá nhân được cải thiện, nâng cao, đảm bảo mục tiêu phát triển nguồn nhân lực.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Là một bộ phận của xã hội, Công ty có một phần trách nhiệm cải thiện, phát triển cộng đồng địa phương. VKC phối hợp với địa phương tổ chức phong trào “Xanh – Sạch – Đẹp. Đảm bảo an toàn vệ sinh lao động”, thực hiện các quy định, chế độ chính sách về bảo hộ lao động. Bên cạnh đó, các cán bộ nhân viên Công ty còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội như ủng hộ quỹ vì Trường sa thân yêu, Quỹ vì người nghèo... Ngoài ra, để đảm bảo an toàn môi trường làm việc và môi trường xung quanh, VKC xây dựng và duy trì phương án phòng cháy chữa cháy tại các cơ sở nhà máy, văn phòng.



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn nhận thức được việc phải tuân theo các quy định của pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty luôn chú trọng trong công tác kiểm soát lượng nguyên vật liệu, năng lượng sử dụng trong dây chuyền sản xuất tại các nhà máy, lượng chất thải, nước thải trong quá trình sản xuất thải ra môi trường hay các vấn đề gây ảnh hưởng đến môi trường trong sinh hoạt tại văn phòng của Công ty. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng đưa ra các kế hoạch sử dụng nguyên vật liệu, năng lượng trong sản xuất kinh doanh một cách hợp lý, vừa đảm bảo tuân thủ bảo vệ môi trường, vừa duy trì và phát triển năng suất của các dây chuyền vừa tối ưu được chi phí sản xuất.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

VKC hướng đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị phần hơn vậy nên Công ty luôn cố gắng xây dựng và duy trì đội ngũ công nhân lâu dài, lành nghề và đội ngũ cán bộ quản lý với nghiệp vụ chuyên môn cao, kỹ năng tốt. Hiện tại, Công ty đang có đội ngũ nhân lực với kinh nghiệm lâu dài, tay nghề cao và để duy trì lực lượng nhân sự hiện có, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với người lao động như đóng các loại bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm y tế... Ngoài ra, dựa trên sự đóng góp và kết quả công việc của mỗi người lao động, Công ty cũng đưa ra các chính sách lương, thưởng phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của nhân sự và tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm tăng sự gắn kết trong môi trường làm việc.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

VKC không chỉ chuyên tâm mỗi mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng quan tâm đến trách nhiệm đối với việc phát triển cộng đồng. Công ty mở rộng cơ hội, tạo việc làm đối với người dân địa phương. Bên cạnh đó, Công ty tham gia vào các hoạt động của địa phương về giúp đỡ, hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn, các hoàn cảnh chịu tác động khó khăn từ đại dịch, ủng hộ đối với các vùng bị lũ lụt, thiên tai.



04

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1 - Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 - Tình hình tài chính
- 3 - Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4 - Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 5 - Kế hoạch phát triển trong tương lai



STRATEGY

DEVELOPMENT

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

THUẬN LỢI

- Nhận được sự chỉ đạo tận tình trong công tác định hướng sản xuất kinh doanh của HĐQT và sự tuân thủ chỉ đạo của Ban Điều hành từng bước đưa VKC trở nên ngày càng phát triển và lớn mạnh.
- Trong suốt 25 năm xây dựng thương hiệu, VKC đã duy trì mối quan hệ với các đối tác và khách hàng, các hàng hoá và dịch vụ được người tiêu dùng tin tưởng sử dụng.
- VKC xây dựng môi trường làm việc năng động, sáng tạo nhằm cùng cố lực lượng nhân sự lành nghề, am hiểu thị trường, đóng góp sức lao động cho Công ty ổn định, lâu dài.
- Hệ thống máy móc, thiết bị luôn được Công ty kiểm tra định kỳ, đầu tư đổi mới nhằm nâng cao năng lực sản xuất.



KHÓ KHĂN

- Vào quý III/2021 do sự bùng phát của đại dịch COVID-19 trên toàn thế giới ảnh hưởng đến các ngành nghề, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy dẫn đến tác động tiêu cực đối với các doanh nghiệp, bao gồm cả VKC.
- Tình hình giá nguyên vật liệu đầu vào biến động theo xu hướng tăng cao, chi phí vận chuyển trong nước lẫn quốc tế năm 2021 tăng, dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh của VKC bị ảnh hưởng.
- Thị trường nhựa, dây cáp điện cạnh tranh ngày càng khốc liệt, các mặt hàng nhập khẩu giá rẻ trực tiếp gây ảnh hưởng đến mức độ tiêu thụ của khách hàng đối với VKC, dẫn đến khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



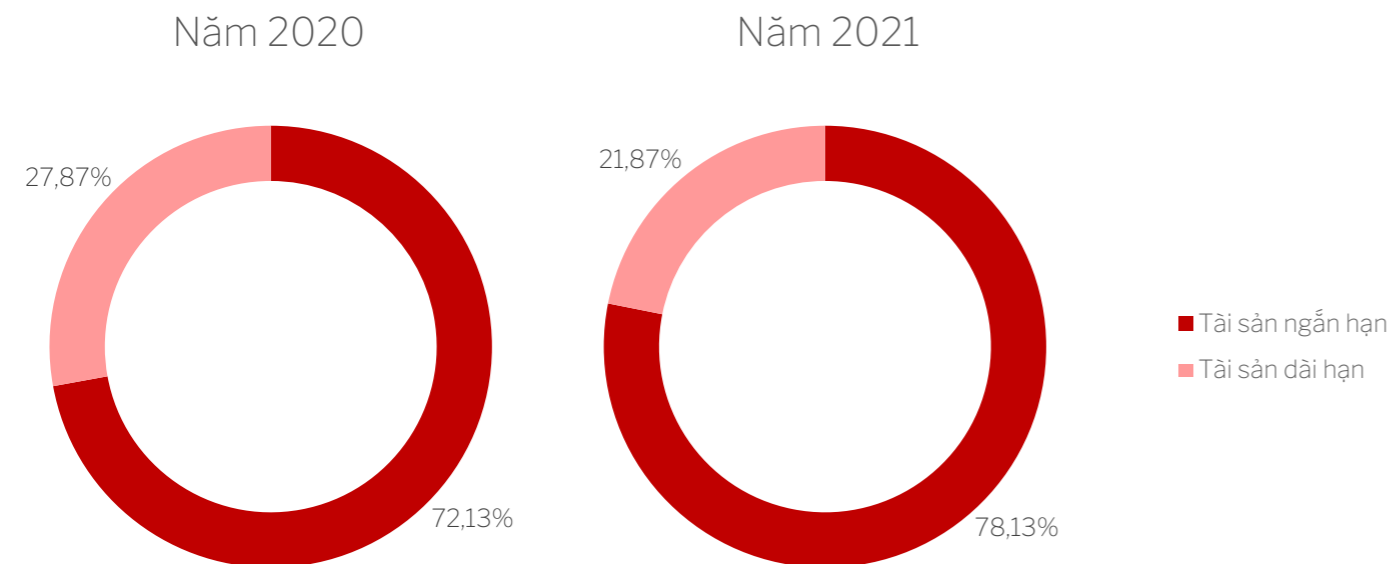
Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	TH 2021 /TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Tài sản ngắn hạn	444.907.538.890	532.519.482.395	119,69%	72,13%	78,13%
Tài sản dài hạn	171.872.110.658	149.055.584.616	86,72%	27,87%	21,87%
Tổng tài sản	616.779.649.548	681.575.067.011	110,51%	100,00%	100,00%

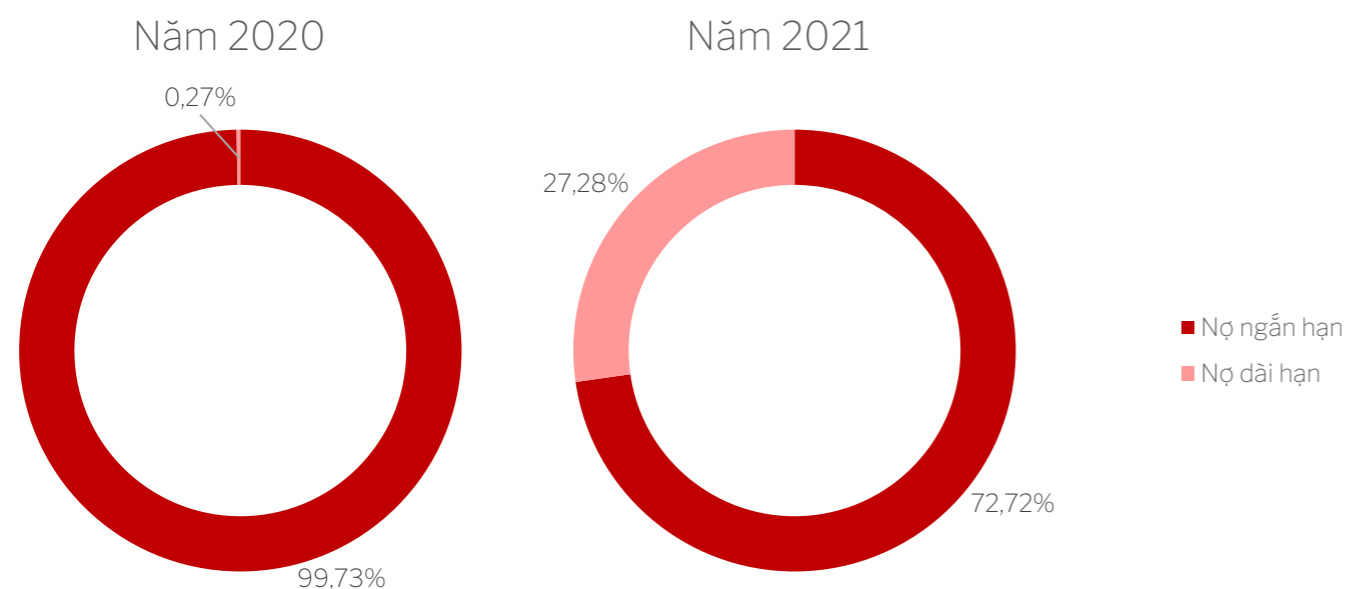
Nhìn chung, tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn đã có sự diễn biến trái chiều, trong khi tài sản ngắn hạn tăng 87,61 tỷ đồng, tăng 19,69% so với cùng kỳ thì tài sản dài hạn lại ghi nhận mức giảm khoảng 22,82 tỷ đồng, giảm 13,28% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu khiến tài sản ngắn hạn đạt được mức tăng trưởng như trên chủ yếu đến từ khoản mục phải thu ngắn hạn đã ghi nhận 262,46 tỷ đồng, tăng 38,80% so với cùng kỳ do trong năm, Công ty đã đặt cọc 106,75 tỷ đồng để thực hiện mua cổ phần của Công ty TNHH TOCCOO Việt Nam. Bên cạnh đó, hàng tồn kho cũng ghi nhận đạt 160,10 tỷ đồng, tăng 26,82% so với cùng kỳ năm trước do tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh các mặt hàng cấp đồng, cấp mạng lan trong năm gặp nhiều khó khăn, các thành phẩm tồn kho lên đến 85,10 tỷ đồng, tăng 75,32% so với cùng kỳ.



Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	TH 2021/ TH 2020	Tỷ trọng năm 2020	Tỷ trọng năm 2021
Nợ ngắn hạn	374.196.180.147	318.340.029.091	85,07%	99,73%	72,72%
Nợ dài hạn	1.028.660.000	119.408.080.004	11.608,12%	0,27%	27,28%
Tổng nợ phải trả	375.224.840.147	437.748.109.095	116,66%	100,00%	100,00%



Tại thời điểm 31/12/2021, tổng nợ phải trả của VKC đã lên đến 437,75 tỷ đồng, tăng 16,66% so với cùng kỳ. Trong cơ cấu nợ phải trả, nợ ngắn hạn vẫn duy trì tỷ lệ cao khi chiếm đến 72,72% trong tổng số nợ phải trả, nợ dài hạn chiếm tỷ lệ 27,28%.

Tuy vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng nợ phải trả nhưng nợ ngắn hạn năm 2021 chỉ đạt khoảng 318,34 tỷ đồng, giảm 14,93% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty đã tắt toán xong các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – Chi nhánh Tân Bình và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP.HCM. Bên cạnh đó, trước diễn biến bất ổn của nền kinh tế, VKC hạn chế việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, vay nợ ngắn hạn các đối tác dẫn đến khoản phải trả người bán ngắn hạn đã giảm 42,22% so với cùng kỳ.

Diễn biến trái ngược với nợ ngắn hạn, nợ dài hạn đã ghi nhận mức tăng lên đến 118,38 tỷ đồng, tăng 11508,12% so với cùng kỳ do trong năm 2021, VKC đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị 119,10 tỷ đồng, lãi suất 12%/năm nhằm mục đích mua lại toàn bộ vốn góp thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Louis Land tại Công ty TNHH TOCCOO Việt Nam.



Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Trong Báo cáo tài chính kiểm toán 2021 đơn vị kiểm toán đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến chỉ tiêu hàng tồn kho. Theo đó, Công ty xin giải trình như sau: thời điểm cuối năm 2021 do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, đồng thời Công ty đang tiến hành chuyển giao cổ đông lớn và Ban điều hành nên Công ty không thể kiểm kê hàng tồn kho, nhưng bằng các nghiệp vụ chuyên môn nên Ban điều hành vẫn có bằng chứng để xác định được giá trị hàng tồn kho ở thời điểm lập báo cáo. Trong năm 2022, Công ty đã chỉ đạo bộ phận kinh doanh đẩy mạnh hàng tồn kho nhằm cải thiện vòng quay hàng tồn kho và tạo doanh thu lớn cho Công ty.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác tổ chức

HĐQT hoạch định các chiến lược và Ban Tổng Giám đốc tiến hành rà soát từng đơn vị, xem xét và phân bổ nhiệm vụ đến các đơn vị một cách phù hợp nhằm đạt được các mục đích mà các Nghị quyết, Quyết định ĐHĐCĐ đưa ra.

Công ty nhận thức được vấn đề nhân sự là nòng cốt của sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. VKC dự định đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong quản trị nhân sự và đưa vào hoạt động với mục đích tối ưu được thời gian và chi phí trong công tác liên quan đến quản trị nhân sự.

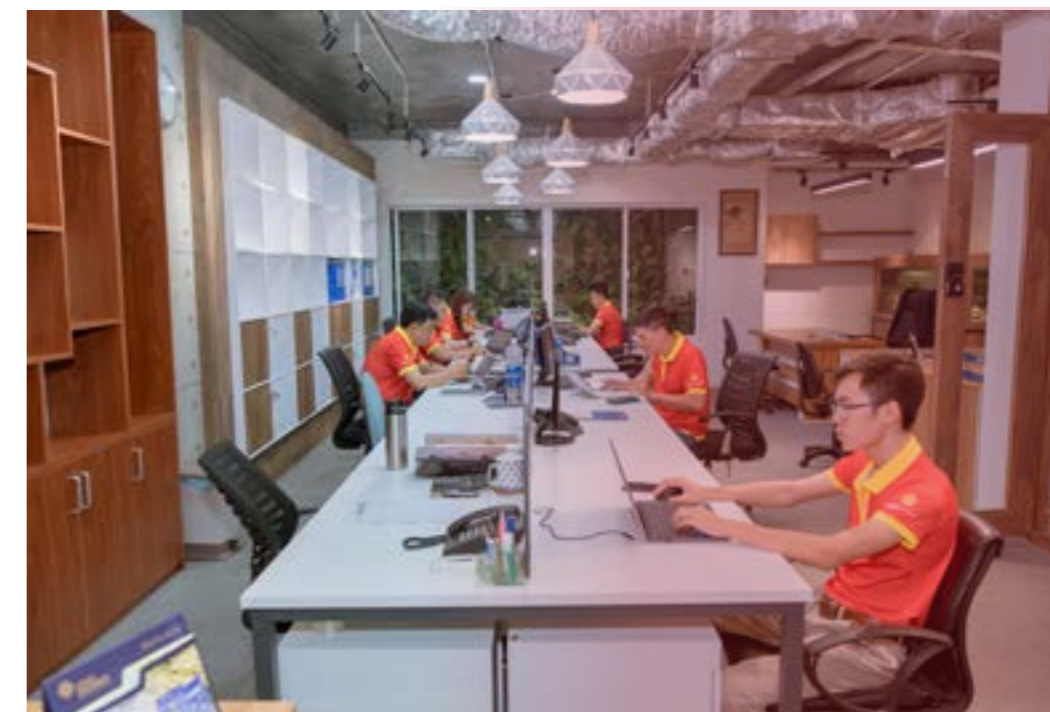
Công tác quản lý

Tiếp tục phát huy việc nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, hoàn thiện phần mềm quản lý khách hàng.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin, các công nghệ kỹ thuật mới, các máy móc, trang thiết bị hiện đại có tính năng ưu việt phù hợp với hoạt động sản xuất của Công ty.

Công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm

Công ty không ngừng nỗ lực nghiên cứu và phát triển, kiểm soát chất lượng của sản phẩm trước khi đưa ra thị trường với quy trình kiểm soát ISO cao cấp để đảm bảo chất lượng sản phẩm khi đến tay người tiêu dùng.



Kế hoạch phát triển trong tương lai



Đối với lĩnh vực sản xuất và phân phối các loại cáp quang:

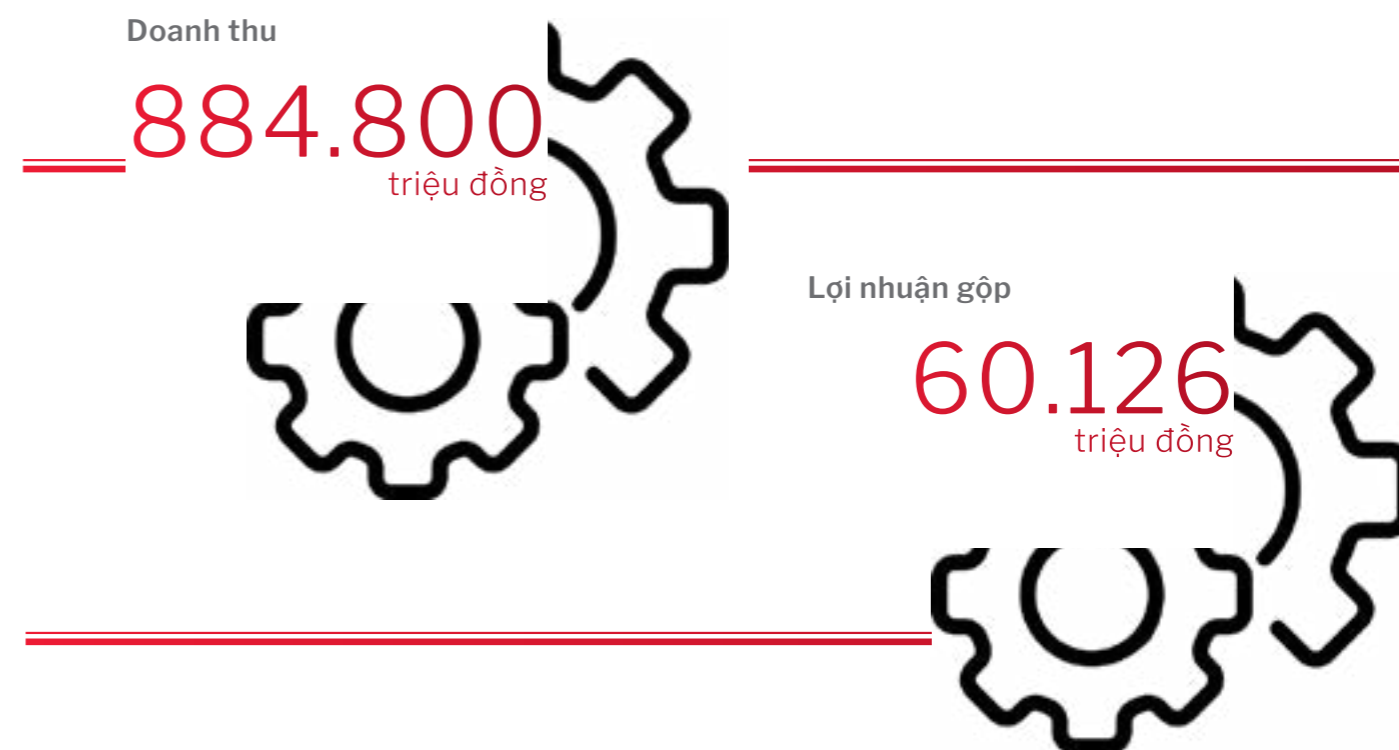
Dự kiến trong tương lai, VKC đẩy mạnh các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, các loại máy móc, thiết bị hiện đại nhằm mục đích đưa ra các sản phẩm mới đáp ứng được các nhu cầu của người tiêu dùng. Ngoài ra, Công ty còn đẩy mạnh năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm để xuất khẩu các sản phẩm dây cáp quang sang các thị trường ngoại quốc.

Hạng mục đầu tư dự kiến	Số lượng	Dự toán (tỷ đồng)	Sản phẩm mới	Sản lượng dự kiến trong năm	Thị trường
Dây chuyền Foaming	01	33,33			
Dây chuyền bọc	01	15,39	Cáp đồng trục	4Cont x 330km/tháng	Xuất khẩu Mỹ
Máy điện	01	14,85		1320km x 12	
Updating			HDMI	1.560.000 sợi	Xuất khẩu Mỹ
Máy kéo đồng bọc liên hoàn Foam + Skin + 1500m/min	01	6,69			Thị trường này 500 tỷ (VKC 10%)/1000 tỷ các loại
Máy xoắn ghép đôi có trà xoắn (xoắn đôi 1800RPM/1530RPM); Trà xoắn (900RPM/760RPM)	08	10,30			
Máy xoắn ghép nhóm (600RPM) (TB 520RPM)	01	2,94			
Máy bện sợi nhôm chống nhiễu	02	0,89	CAT 6A, CAT 7	Năng suất máy 10.000 thùng/tháng	Tham chiếu 4 triệu/tháng
Máy bọc vỏ cáp 70mm	02	1,63			
Máy sang cuộn	01				
Thiết bị kiểm tra chất lượng (Máy đo Network Analyzer)	01				



Đối với lĩnh vực thương mại các sản phẩm ngành vỏ xe, phụ tùng:

Công ty dự kiến duy trì và đẩy mạnh lĩnh vực thương mại các sản phẩm ngành vỏ xe, phụ tùng. Dự kiến trong năm tới, Công ty đạt được mức doanh thu và lợi nhuận gộp như sau:



Đối với các ngành kinh doanh mới:

Năm 2022, Công ty dự kiến tiếp tục tiến hành đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh mới bao gồm: sản xuất và cung cấp ống nhựa, sản xuất và cung cấp sản phẩm nội thất bằng gỗ. VKC sẽ thực hiện đầu tư và đẩy mạnh các lĩnh vực mới này với tiến độ thực hiện:



Xúc tiến việc đầu tư vào các máy móc, thiết bị công nghệ mới, tối ưu hoá công suất, mức tiêu hao nguyên liệu và nhân công sản xuất.



Chú trọng công tác nghiên cứu và phát triển chất lượng sản phẩm, nghiên cứu thị trường người tiêu dùng để đưa ra các sản phẩm đáp ứng được các tiêu chí của họ.



Xây dựng đội ngũ người lao động có tay nghề, môi trường làm việc năng động.

Bên cạnh đó, VKC lên kế hoạch đầu tư vào các Công ty con như sau:



CÔNG TY TNHH VĨNH KHÁNH PLASTIC

VKC góp 20 tỷ đồng, nắm tỷ lệ sở hữu 100% Công ty TNHH Vĩnh Khánh Plastic với lĩnh vực sản xuất chính là sản xuất và cung cấp các sản phẩm ống nhựa.



CÔNG TY CỔ PHẦN VCOM - SAMETEL

VKC góp 70 tỷ đồng, nắm tỷ lệ sở hữu 50,86% Công ty Cổ phần VCOM - SAMETEL với lĩnh vực sản xuất các loại cáp quang.



CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI VĨNH KHÁNH

VKC góp 50 tỷ đồng, nắm tỷ lệ sở hữu 100% Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Vĩnh Khánh với mục tiêu phát triển mạnh mẽ mảng thương mại vỏ xe và phụ tùng.



CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG & NỘI THẤT VĨNH KHÁNH

VKC góp 20 tỷ đồng, nắm tỷ lệ sở hữu 100% Công ty TNHH Vật liệu xây dựng và nội thất Vĩnh Khánh với lĩnh vực sản xuất chính là sản xuất và cung cấp gỗ, sản phẩm nội thất bằng gỗ.



05



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1 - Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- 2 - Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
- 3 - Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2020	TH2021/ KH2021	TH2021/ TH2020
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	884.134	1.061.105	1.034.354	83,32%	85,48%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.715	15.182	1.222	24,47%	303,94%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.322	12.145	1.002	19,12%	231,78%

Năm 2021, trên cơ sở thực hiện vai trò, chức năng của HĐQT, HĐQT Công ty đã có những hoạt động chỉ đạo và giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc về việc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, huy động và quản lý nguồn vốn, duy trì và từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Tuy nhiên, trước tình hình giãn cách xã hội kéo dài do đại dịch COVID-19, hoạt động sản xuất kinh doanh bị ngưng trệ, kết quả kinh doanh của Công ty vẫn chưa hoàn thành được kế hoạch đã đề ra. Kết quả kinh doanh năm 2021 ghi nhận doanh thu thuần đạt 884,13 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 2,32 tỷ đồng, hoàn thành 83,32% và 19,12% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.





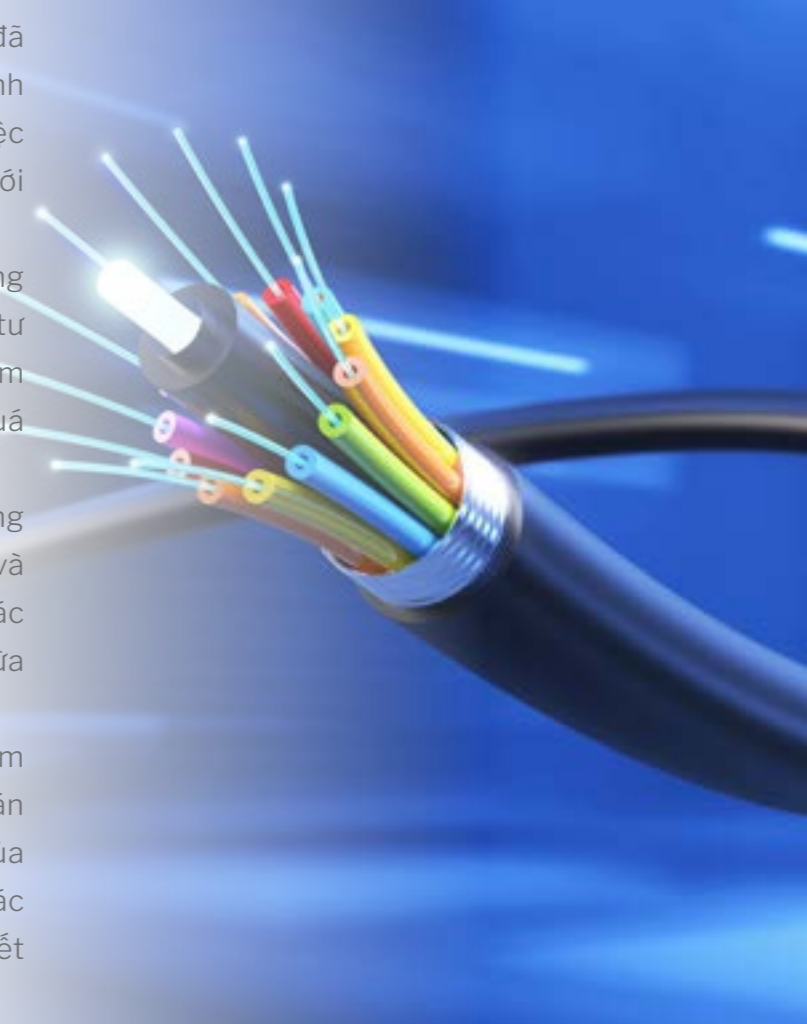
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty



Dựa trên Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết và quyết định của HĐQT, các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT nhằm đảm bảo các quá trình vận hành chiến lược hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty được diễn ra thuận lợi. HĐQT luôn nắm bắt kịp thời các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty để thống nhất ý kiến và đưa ra các chiến lược hợp lý, cụ thể HĐQT đã giám sát Ban Tổng Giám đốc các hoạt động sau:

- Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan đã thực hiện các kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công ty một cách rất tốt, đẩy mạnh việc hợp tác với các doanh nghiệp lớn trên thế giới về sản xuất và kinh doanh.
- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Tổng Giám đốc luôn đẩy mạnh đầu tư phát triển, định kỳ đưa các chuyên gia kiểm tra cơ sở hạ tầng của nhà máy để đảm bảo quá trình sản xuất không bị gián đoạn.
- Với định hướng phát triển lớn mạnh và mở rộng thị phần, Ban Tổng Giám đốc luôn theo dõi và cải tiến các dây chuyền sản xuất, đưa ra các giải pháp vừa đảm bảo năng suất hiệu quả vừa tiết kiệm được các chi phí sản xuất.
- Ban Tổng Giám đốc luôn đề cao trách nhiệm trong việc điều hành, chủ động các phương án thực hiện tuân theo chỉ đạo định hướng của HĐQT, góp phần giúp Công ty hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh trong năm có nhiều biến động kinh tế vĩ mô do dịch bệnh COVID-19 gây ra. Vì tình hình đại dịch diễn biến căng thẳng, Công ty không thể không tránh được các tác động tiêu cực, tuy nhiên với sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, Công ty đã đưa ra các chiến lược kinh doanh, phương án quản lý rủi ro hợp lý để tình hình kinh doanh Công ty ngày càng phát triển theo định hướng của HĐQT, mang lại lợi nhuận cho các cổ đông.





Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Doanh thu
bán hàng

1.384.412
triệu đồng

Lợi nhuận
sau thuế

25.087
triệu đồng



Nhận định năm 2022 còn nhiều khó khăn và thách thức, Ban lãnh đạo Công ty linh động đưa ra các chiến lược kinh doanh: tăng cường công tác quản trị, đẩy mạnh đầu tư máy móc thiết bị trong sản xuất, nâng cao năng suất song đảm bảo chất lượng sản phẩm, ổn định việc làm và đảm bảo thu nhập cho người lao động. Công ty đưa ra các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	
			Kế hoạch	So với TH năm 2021
1	Doanh thu bán hàng	884.134	1.384.412	156,58%
2	Tổng chi phí	50.407	80.446	159,59%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.127	31.359	1002,85%
4	Lợi nhuận sau thuế	2.322	25.087	1080,40%



06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 - Hội đồng quản trị

2 - Ban Kiểm soát

3 - Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát



Hội đồng quản trị

Thành phần và cơ cấu HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ông Bùi Việt Dũng	TV HĐQT độc lập	0	0%
3	Ông Ngô Thục Vũ	TV HĐQT độc lập	0	0%
4	Ông Nguyễn Thiện Cảnh	TV HĐQT độc lập	0	0%
5	Ông Huỳnh Thanh Tùng	TV HĐQT độc lập	0	0%

Những thay đổi trong HĐQT trong năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT	8/12/2021	15/6/2020
2	Ông Võ Thiên Chương	TV HĐQT	8/12/2021	15/6/2020
3	Ông Phạm Linh	TV HĐQT độc lập	8/12/2021	15/6/2020
4	Ông Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT độc lập	8/12/2021	15/6/2020
5	Ông Nguyễn Quốc Bảo	TV HĐQT độc lập	8/12/2021	15/6/2020
6	Ông Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch HĐQT		8/12/2021
7	Ông Bùi Việt Dũng	TV HĐQT độc lập		8/12/2021
8	Ông Ngô Thục Vũ	TV HĐQT độc lập		8/12/2021
9	Ông Nguyễn Thiện Cảnh	TV HĐQT độc lập		8/12/2021
10	Ông Huỳnh Thanh Tùng	TV HĐQT độc lập		8/12/2021



Ông Trịnh Văn Bảo – Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh: 18/07/1988
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 2008 - 2014: Tư vấn độc lập - Phân tích đầu tư dự án
 - 2014 - 2021: Chuyên viên, Chuyên gia, Giám đốc dự án, Quản lý Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Nguyễn Kim
 - 2018 - 2020: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần XNK An Giang, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng
 - 2019 - 2021: Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao thông Long An
 - T6/2021 - nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần XNK An Giang, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Louis Capital
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang
 - Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Louis Capital
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần (0% VDL)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0 cổ phần (0% VDL)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Ông Bùi Việt Dũng – TV HĐQT độc lập

- Ngày sinh: 18/08/1973
- Nơi sinh: Hậu Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 1998 - 2007: Nhân viên kiểm phẩm, Quản đốc phân xưởng tại Công ty Cổ phần XNK An Giang
 - 2008 - 2009: Trưởng bộ phận kinh doanh xe, phụ tùng tại Trung tâm Kinh doanh Honda Angimex
 - 2009 - 2010: Cửa hàng trưởng Head Angimex 3 tại Công ty Cổ phần XNK An Giang
 - 2010 - 2013: Trưởng phòng Marketing, Trưởng phòng NSHC tại Công ty Cổ phần XNK An Giang
 - 2014 - 2017: Giám đốc tại Trung tâm TMDV Angimex
 - 2017 - 10/2020: Giám đốc tại Công ty TMDV Angimex
 - T10/2020 - T6/2021: Giám đốc tại Công ty TNHH Angimex Trading
 - T6/2021 - nay: Giám đốc tại Công ty TNHH Angimex Furious
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần (0% VDL)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0 cổ phần (0% VDL)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có





Ông Ngô Thục Vũ – TV HĐQT độc lập

- Ngày sinh: 30/09/1980
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 2007 - 2009: Chuyên viên nghiên cứu và phân tích tại Công ty Cổ phần Chứng khoán KimEng
 - 2009 - 2013: Trưởng Bộ phận Đầu tư tại Chi nhánh TP.HCM Công ty Tài chính cổ phần Điện lực
 - 2013 - 2015: Phó Trưởng Phòng kinh doanh tại Chi nhánh TPHCM Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực
 - 2015 - 2019: Trưởng Phòng kinh doanh tại Chi nhánh TP.HCM Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực
 - 2019 - 2021: Phó Giám Đốc tại Chi nhánh TP.HCM Công ty Tài chính cổ phần Điện lực
 - 2021 - nay: Giám đốc tại Công ty Cổ phần quản lý và khai thác tài sản Louis AMC; Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Louis Capital, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SAMETEL Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh TP.HCM Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - Giám đốc Công ty Cổ phần quản lý và khai thác tài sản Louis AMC
 - Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Louis Capital
 - Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần SAMETEL
 - Phó Giám Đốc phụ trách Chi nhánh TP.HCM Công ty Tài chính cổ phần Điện lực
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần (0% VDL)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0 cổ phần (0% VDL)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Ông Nguyễn Thiện Cảnh - TV HĐQT độc lập

- Ngày sinh: 25/01/1964
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1985 - 1992: Ủy ban vật giá Đồng Nai
 - 1992 - 1993: Xí nghiệp chế biến gỗ - Công ty Tín Nghĩa Đồng Nai
 - 1993 - T10/2006: Công ty Cổ phần SACOM
 - T11/2006 đến nay: Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần SAMETEL
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần SAMETEL
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần (0% VDL)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0 cổ phần (0% VDL)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Ông Huỳnh Thanh Tùng - TV HĐQT độc lập

- Ngày sinh: 13/4/1977
- Nơi sinh: An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quá trình công tác:
 - 10/1998 - 12/2006: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán tại Công ty XNK An Giang
 - 12/2006 - 10/2007: Tổ trưởng Tổ Công nghệ thông tin tại Công ty XNK An Giang
 - 11/2007 - 12/2007: Phó phòng Tài chính Kế toán tại Công ty XNK An Giang
 - 1/2008 - 12/2009: Phó phòng Tài chính Kế toán tại Công ty Cổ phần XNK An Giang
 - 1/2010 - 6/2017: Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần XNK An Giang
 - 06/2017 - 01/2018: Quyền Giám đốc Tài chính tại Công ty Cổ phần XNK An Giang
 - 02/2018 - 06/2020: Giám đốc Tài chính tại Công ty Cổ phần XNK An Giang
 - 02/2018 - 06/2020: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính tại Công ty Cổ phần XNK An Giang
 - 09/2021 - nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực tại Công ty Cổ phần XNK An Giang
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Phó Tổng Giám đốc thường trực, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex)
 - Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn – An Giang (Sagico)
 - Trợ lý Chủ tịch Công ty TNHH Lương thực Angimex (Angimex Food)
 - Trợ lý Chủ tịch Công ty TNHH Angimex Furious (AGM Furious)
 - Trợ lý Chủ tịch Công ty TNHH Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp (Dasco)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần (0% VDL)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0 cổ phần (0% VDL)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Hoạt động của HĐQT

Năm 2021, HĐQT của VKC hoạt động dựa trên Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, từ đó phân công từng bộ phận đảm nhiệm phụ trách các vấn đề liên quan đến nhân sự, hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính. Đồng thời, HĐQT thực hiện giám sát, chỉ đạo và tạo điều kiện Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo trách nhiệm được giao. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp để đưa ra các chỉ đạo kịp thời, các phương án tái cấu trúc, thay đổi nhân sự trước những sự biến động kinh tế vĩ mô. HĐQT đã thực hiện tốt các vai trò theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, dựa trên các báo cáo từ Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành và quản lý gửi HĐQT. HĐQT giám sát và đốc thúc các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc khi thực hiện các quyết định của HĐQT, Nghị quyết ĐHCĐ. HĐQT đưa ra định hướng phát triển Công ty cho năm sau, thay đổi nhân sự phù hợp nhằm đưa hoạt động của Công ty đạt kết quả tốt nhất.

Số lượng các cuộc họp HĐQT trong năm 2021:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT	5/10	50%	
2	Võ Thiên Chương	TV HĐQT	5/10	50%	
3	Phạm Linh	TV HĐQT độc lập	5/10	50%	Không còn là TV HĐQT
4	Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT độc lập	5/10	50%	
5	Nguyễn Quốc Bảo	TV HĐQT độc lập	5/10	50%	
6	Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch HĐQT	5/10	50%	
7	Bùi Việt Dũng	TV HĐQT độc lập	5/10	50%	
8	Ngô Thục Vũ	TV HĐQT độc lập	5/10	50%	Bắt đầu là TV HĐQT ngày 08/12/2021
9	Nguyễn Thiện Cảnh	TV HĐQT độc lập	5/10	50%	
10	Huỳnh Thanh Tùng	TV HĐQT độc lập	5/10	50%	

HĐQT đã tổ chức 10 phiên họp, trong đó có 10 phiên họp trực tiếp và không có phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	141/QĐ/HĐQT/VCOM-21	09/03/2021	V/v lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2021
2	033.1/NQ/VCOM/HĐQT/21	30/11/2021	V/v bãi nhiệm chức vụ và chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc
3	209/QĐBN/Vcom/NSU/21	30/11/2021	V/v Bổ nhiệm Giám đốc Tài chính
4	208/QĐ/Vcom/HĐQT/21	30/11/2021	V/v bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc
5	221/2021/NQ-HĐQT	2/12/2021	V/v thông qua phát hành trái phiếu và phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ
6	211/QĐ/Vcom/HĐQT/21	6/12/2021	V/v bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc
7	214/NQ/Vcom/HĐQT/21	8/12/2021	V/v bãi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh
8	213/NQ/Vcom/HĐQT/21	8/12/2021	V/v bãi nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thường trực
9	215/QĐ/Vcom/HĐQT/21	9/12/2021	V/v bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngành Cấp - điện
10	217/2021/VKC/NQ-HĐQT	9/12/2021	V/v bầu Ông Trịnh Văn Bảo giữ vị trí Chủ tịch HĐQT

Ban Kiểm soát

Thành phần và cơ cấu Ban Kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Hồ Đăng Dân	Trưởng ban	0	0%
2	Bà Phạm Thu Thảo	Thành viên	0	0%
3	Ông Phạm Minh Vương	Thành viên	0	0%

Những thay đổi trong Ban Kiểm soát trong năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Lê Minh Chi	Trưởng ban	8/12/2021	15/06/2021
2	Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên	8/12/2021	15/06/2021
3	Ông Lê Thanh Duy	Thành viên	8/12/2021	15/06/2021
4	Ông Hồ Đăng Dân	Trưởng ban		8/12/2021
5	Bà Phạm Thu Thảo	Thành viên		8/12/2021
6	Ông Phạm Minh Vương	Thành viên		8/12/2021



Ông Hồ Đăng Dân – Trưởng Ban Kiểm soát

- Ngày sinh: 15/12/1981
- Nơi sinh: An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - 2004 - 2011: Chuyên viên, Trưởng phòng Kinh doanh tiếp thị Công ty Viễn thông Tinh An Giang
 - 2011 - 2013: Chuyên viên Phòng Hành chính Quản trị Ngân hàng SHB - Chi nhánh Tỉnh Long An
 - 2013 - 2016: Phó Trưởng Phòng Phụ trách Hành chính Quản trị Ngân hàng SHB - Chi nhánh Tỉnh Long An
 - 2016 - 2021: Phó Trưởng Phòng phụ trách Phòng kiểm toán nội bộ, Thành viên Ủy ban kiểm toán Ngân hàng SHB Lào
 - 2021 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần XNK An Giang
Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Louis Holdings
Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SAMETEL
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang
 - Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Louis Holdings;
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SAMETEL.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần (0% VĐL)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0 cổ phần (0% VĐL)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Bà Phạm Thư Thảo – Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày sinh: 29/11/1997
- Nơi sinh: Bình Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
 - 2019 - T5/2021: Trợ lý Kiểm toán Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam
 - T6/2021 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Louis Holdings
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần SAMETEL
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Louis Holdings
 - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần SAMETEL
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần (0% VĐL)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0 cổ phần (0% VĐL)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Ông Phạm Minh Vương – Thành viên Ban Kiểm soát

- Ngày sinh: 22/10/1995
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quá trình công tác:
 - 2011 - 2013: Trưởng nhóm Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam
 - 2017 - 2019: Trợ lý Kiểm toán Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
 - 2021 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Louis Holdings
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần SAMETEL
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
 - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Louis Holdings
 - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần SAMETEL
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần (0% VĐL)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: 0 cổ phần (0% VĐL)
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát thường xuyên cập nhật thông tin từ HĐQT và Ban Tổng Giám đốc để đưa ra kế hoạch thực hiện kiểm soát hoạt động Công ty, giám sát việc tuân thủ pháp luật và chấp hành Điều lệ Công ty, việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT. Ban Kiểm soát thực hiện các công tác chất vấn và được Ban Tổng Giám đốc giải trình trong các cuộc họp về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, về việc quản lý chi phí, quản lý công nợ, tiến độ thực hiện dự án hay hợp đồng... Các báo cáo tài chính được Ban Kiểm soát kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và độ chính xác của công tác kế toán, các số liệu cần phải phản ánh trung thực. Các chứng từ, sổ sách, phần mềm kế toán được cập nhật đầy đủ và các số liệu được ghi nhận theo đúng quy định của Công ty và tuân thủ các chuẩn mực kế toán. Các số liệu hàng tồn kho, công nợ được theo dõi chi tiết và thực hiện đối chiếu, Ban Kiểm soát gửi báo cáo và phối hợp với các phòng ban liên quan để theo dõi kế hoạch.

Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát trong năm 2021:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp Ban Kiểm soát tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Minh Chi	Trưởng ban	2/4	50%	
2	Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên	2/4	50%	Miễn nhiệm ngày 08/12/2021
3	Ông Lê Thanh Duy	Thành viên	2/4	50%	
4	Ông Hồ Đăng Dân	Trưởng ban	2/4	50%	
5	Bà Phạm Thư Thảo	Thành viên	2/4	50%	Bổ nhiệm ngày 08/12/2021
6	Ông Phạm Minh Vương	Thành viên	2/4	50%	

Ban Kiểm soát đã tổ chức 3 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Ngày	Nội dung
1	29/01/2021	V/v giám sát tình hình tài chính của Công ty; tóm lược lại các sự kiện quan trọng có liên quan đến công tác công bố thông tin từ 01/2021, giám sát tình hình công nợ; đảm bảo môi trường lao động an toàn thực hiện công tác phòng cháy chữa cháy theo tiêu chuẩn quy định; thường xuyên giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
2	19/11/2021	
3	19/11/2021	

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập	Ghi chú
Ông Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch HĐQT	-	Bổ nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên HĐQT	-	Bổ nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Ngô Thực Vũ	Thành viên HĐQT	-	Bổ nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Nguyễn Thiện Canh	Thành viên HĐQT	-	Bổ nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	-	Bổ nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT	338.000.000	Miễn nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Võ Thiên Chương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	970.069.982	Miễn nhiệm Chủ tịch ngày 08/12/2021, Tổng Giám đốc ngày 30/11/2021
Ông Phạm Linh	Thành viên HĐQT	93.889.000	Miễn nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên HĐQT	-	Miễn nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	93.889.000	Miễn nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	93.889.000	Miễn nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Hồ Đăng Dân	Trưởng Ban Kiểm soát	-	Bổ nhiệm ngày 08/12/2021
Bà Phạm Thư Thảo	Thành viên Ban kiểm soát	-	Bổ nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Phạm Minh Vượng	Thành viên Ban kiểm soát	-	Bổ nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Lê Minh Chi	Trưởng Ban Kiểm soát	286.890.900	Miễn nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	56.333.000	Miễn nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Lê Thanh Duy	Thành viên Ban kiểm soát	56.333.000	Miễn nhiệm ngày 08/12/2021
Ông Trần Hoàng An	Tổng Giám đốc	101.035.000	Bổ nhiệm ngày 06/11/2021
Ông Nguyễn Đức Lộc	Phó Tổng Giám đốc	-	Bổ nhiệm ngày 30/11/2021
Bà Trần Ngọc Mai	Phó Tổng Giám đốc	13.609.000	Bổ nhiệm ngày 09/11/2021
Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	461.784.160	Miễn nhiệm ngày 30/11/2021
Ông Đỗ Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc thường trực	473.322.320	Miễn nhiệm ngày 30/11/2021
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng	257.120.698	-



Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đỗ Ngọc Nam	Phó Ban Kiểm soát thường trực	200.000	1,04%	400.000	2,07%	Mua
2	Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT	3.100.000	16,08%	200.000	1,04%	Bán
3	Lương Minh Tuấn	Phó Ban Kiểm soát	500.000	2,59%	0	0,00%	Bán
4	Đỗ Ngọc Nam	Phó Ban Kiểm soát thường trực	400.000	2,07%	200.000	1,04%	Bán
5	Võ Thiên Chương	Ban Kiểm soát	2.000.000	10,37%	1.000.000	5,19%	Bán
6	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	18.000	0,09%	10.000	0,05%	Bán
7	Võ Thiên Chương	Ban Kiểm soát	1.000.000	5,19%	113.000	5,86%	Mua



Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang

Mối quan hệ

Có cùng thành viên chủ chốt trong HĐQT

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

“

Công ty Cổ phần VKC Holdings hoàn toàn tuân thủ các quy định về quản trị Công ty theo pháp luật quy định.

Định hướng quản trị điều hành: Hoàn thiện mô hình tổ chức của Công ty xuyên suốt từ HĐQT tới Ban điều hành, các đơn vị phòng ban. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị điều hành và quản trị rủi ro, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản trị.

”



07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1 - Ý kiến kiểm toán

2 - Báo cáo tài chính được kiểm toán



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VKC Holdings tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

Số: 20/KA/22/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần VKC Holdings (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2022 (từ trang 08 đến trang 38), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Vào thời điểm cuối năm, Công ty không tổ chức kiểm kê hàng tồn kho (do tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Sars - Covid 2 (Covid 19) diễn biến phức tạp, đồng thời Công ty trong quá trình chuyển giao cổ đông lớn và ban điều hành). Nên kiểm toán viên không thể tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho với giá trị trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 là 160.103.181.096 đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi cũng không xác định được tính hiện hữu của hàng tồn kho, cũng như tính đánh giá của hàng tồn kho. Do vậy, chúng tôi không xác định được có cần thiết phải lập dự phòng giảm đối với hàng tồn kho đến Bảng cân đối kế toán hay không và ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (nếu có).

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		532.519.482.395	444.907.538.890
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	26.020.391.385	37.386.287.153
111	1. Tiền		26.020.391.385	37.386.287.153
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		83.616.762.369	92.186.093.588
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	83.616.762.369	92.186.093.588
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		262.456.038.612	189.091.243.675
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3a	145.802.665.063	164.239.952.209
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	7.584.572.324	21.682.565.660
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	109.097.969.059	5.597.717.597
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(29.167.834)	(2.428.991.791)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	160.103.181.096	126.243.914.474
141	1. Hàng tồn kho		160.103.181.096	134.306.833.907
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(8.062.919.433)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		323.108.933	-
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		323.108.933	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		149.055.584.616	171.872.110.658
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		11.126.894.165	25.557.529.847
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	2.942.784.165	9.503.419.847
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	V.8	2.500.000.000	5.830.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.5b	5.684.110.000	10.224.110.000
220	II. Tài sản cố định		88.681.511.495	99.351.566.984
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	80.868.238.026	83.640.262.835
222	- Nguyên giá		293.130.197.334	284.631.986.093
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(212.261.959.308)	(200.991.723.258)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	7.813.273.469	15.711.304.149
228	- Nguyên giá		10.617.950.483	19.917.950.483
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.804.677.014)	(4.206.646.334)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	4.885.260.400
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	4.885.260.400
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.11	36.000.000.000	36.000.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		36.000.000.000	36.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.247.178.956	6.077.753.427
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	13.247.178.956	6.077.753.427
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		681.575.067.011	616.779.649.548

1201
SỐ T
HỢP H
ỨNG VÀ
IẢN
P. HS

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		437.748.109.095	375.224.840.147
310	I. Nợ ngắn hạn		318.340.029.091	374.196.180.147
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	31.447.780.357	54.422.635.992
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	71.331.186	12.341.478.918
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	1.312.432.113	1.843.533.082
314	4. Phải trả người lao động		1.322.071.337	1.505.697.393
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	633.883.707	926.536.323
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	1.721.622.501	2.401.312.623
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	281.786.489.529	299.744.061.755
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	44.418.361	1.010.924.061
330	II. Nợ dài hạn		119.408.080.004	1.028.660.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	119.408.080.004	1.028.660.000
339	2. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		243.826.957.916	241.554.809.401
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.20	243.826.957.916	241.554.809.401
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.384.120.000	11.384.120.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(3.811.929.315)	(3.811.929.315)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		13.557.992.161	13.507.895.861
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.696.775.070	20.474.722.855
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		20.374.530.255	19.472.796.865
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.322.244.815	1.001.925.990
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		681.575.067.011	616.779.649.548

Bình Dương, ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Người lập

Lam Thi Hong Thua

Kê toán trưởng

Nguyễn Chi Chuy Hang
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đại diện theo pháp luật



Trần Lý Lạc Long Giang

KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	885.969.642.945	1.036.872.384.855
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.835.797.700	2.518.379.167
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		884.133.845.245	1.034.354.005.688
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	836.332.902.096	984.425.285.454
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.800.943.149	49.928.720.234
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	5.149.476.670	4.761.393.684
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	23.407.897.471	20.202.325.526
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		22.823.646.802	19.723.837.054
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	14.818.591.343	16.363.288.301
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	11.008.912.495	16.902.231.644
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.715.018.510	1.222.268.447
31	11. Thu nhập khác	VI.7	584.748.974	140.525.219
32	12. Chi phí khác	VI.8	1.172.238.242	81.632.496
40	13. Lợi nhuận khác		(587.489.268)	58.892.723
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.127.529.242	1.281.161.170
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	805.284.427	279.235.180
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.322.244.815	1.001.925.990
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	118	52
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	118	52

Bình Dương, ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Người lập

Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật



Trần Lý Lạc Long Giang

Lâm Thị Hồng Thoa

Nguyễn Thị Châu Hằng
KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.15	3.127.529.242	1.281.161.170
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		20.580.738.055	32.256.229.308
03	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.9;10	13.225.249.954	15.256.204.854
04	- Các khoản dự phòng		(10.462.743.390)	1.796.700.504
05	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
06	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3;7;8	(5.005.415.311)	(4.520.513.104)
07	- Chi phí lãi vay	VI.4	22.823.646.802	19.723.837.054
08	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
09	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.708.267.297	33.537.390.478
10	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(56.857.444.231)	(813.336.441)
11	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(25.796.347.189)	(10.462.417.213)
12	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(23.106.130.385)	(40.639.628.522)
13	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.284.165.129)	298.199.612
14	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
15	- Tiền lãi vay đã trả		(23.045.733.351)	(19.455.008.638)
16	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(715.807.295)	(705.897.089)
17	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
18	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.19	(1.016.602.000)	(775.300.486)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(109.113.962.283)	(39.015.998.299)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.9;10	(16.753.665.789)	(6.793.205.516)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		520.002.043	100.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		8.569.331.219	(23.767.053.524)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	4.990.551.264	4.420.513.104
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.673.781.263)	(26.039.745.936)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.18	894.150.615.803	851.222.927.375
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.18	(793.728.768.025)	(768.731.514.629)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		100.421.847.778	82.491.412.746
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(11.365.895.768)	17.435.668.511
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	37.386.287.153	19.950.618.642
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	26.020.391.385	37.386.287.153

Bình Dương, ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Người lập

Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật



Trần Lý Lạc Long Giang

Lâm Thị Hồng Thoa

Nguyễn Thị Châu Hằng
KẾ TOÁN TRƯỞNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần VKC Holdings (sau đây gọi là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sẫm lốp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE;
- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Mua bán lốp xe, phụ tùng xe;
- Mua bán thủy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô - tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện, sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các loại giấy dùng trong tôn giáo, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tét bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty có sự thay đổi về cơ cấu cổ đông lớn, thay đổi về ban điều hành. Do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Viêm đường hô hấp cấp Sars - Covid 2 (Covid 19), làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị hạn chế, dẫn đến Doanh thu năm nay giảm 14,55% so với năm trước, cũng như các khoản chi phí hoạt động (chi phí bán hàng và chi phí quản lý) năm nay giảm 20,86% so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long
2. Chi nhánh Tp.HCM	576 đường 3/2, Phường 14, Quận 10, Tp. HCM
3. Chi nhánh quận 8 – Tp. HCM	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
4. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng
5. Chi nhánh Phú Yên	Số 81 Nguyễn Tất Thành, P. 2, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 129 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 147 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 40 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 25 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Cơ sở tính và trích lương

Công ty tính lương căn cứ vào Hợp đồng lao động với người lao động, trả lương theo thời gian.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa (vô xe, ống nhựa), bán thành phẩm (cáp viễn thông)

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
 - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

16. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP ngoại Thương Việt Nam tại ngày 31/12/2021 là 22.640 VND/USD.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP ngoại Thương Việt Nam tại ngày 31/12/2021 là 22.920 VND/USD.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	42.205.972	260.937.690
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.978.185.413	37.125.349.463
Cộng	26.020.391.385	37.386.287.153

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền tiết kiệm tại các ngân hàng có thời gian đáo hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng.

Trong đó, giá trị tiền tiết kiệm cuối năm dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng là 81.612.702.021 đồng (xem tại Thuyết minh V.19).

3. Phải thu ngắn hạn và dài hạn của khách hàng**3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa.

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>145.802.665.063</i>	<i>164.239.952.209</i>
- Nguyễn Thị Loan	25.330.876.560	-
- Trần Thị Hương Anh	16.243.997.518	-
- Các khách hàng khác	104.227.790.985	164.239.952.209
Cộng	145.802.665.063	164.239.952.209

Trong đó, giá trị Nợ phải thu khách hàng cuối năm dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng là 40.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.19).

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>2.942.784.165</i>	<i>9.503.419.847</i>
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức	2.942.784.165	3.492.987.565
- Các khách hàng khác	-	6.010.432.282
Cộng	2.942.784.165	9.503.419.847

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>7.584.572.324</i>	<i>21.682.565.660</i>
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên	4.169.533.115	4.969.484.834
- Công ty CP TM DV XD BĐS Mết Vương Vàng	-	1.960.000.000
- Trả trước cho các người bán khác	3.415.039.209	14.753.080.826
Cộng	7.584.572.324	21.682.565.660

5. Phải thu ngắn hạn khác và dài hạn**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>109.097.969.059</i>	-	<i>5.597.717.597</i>	-
- Tạm ứng cho nhân viên	99.859.611	-	1.421.552.532	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.809.515.513	-	2.189.037.641	-
- Đặt cọc mua cổ phần (*)	106.750.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	438.593.935	-	1.987.127.424	-
Cộng	109.097.969.059	-	5.597.717.597	-

(*) Là khoản tiền Công ty đặt cọc để thực hiện mua cổ phần của Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (theo mục đích phát hành trái phiếu tại Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ số 01/PAPHTP/VKC ngày 02/12/2021 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt và đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 41NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 08/12/2021.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.684.110.000</i>	-	<i>10.224.110.000</i>	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	5.684.110.000	-	10.224.110.000	-
Cộng	5.684.110.000	-	10.224.110.000	-

(*) Là khoản tiền đặt cọc nhận chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của số đất CU 035996 tại thửa đất số 218, thuộc tờ bản đồ số 17 tại ấp 6, xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An theo hợp đồng mua bán đất quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 27/12/2019.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.428.991.791)	(1.317.960.207)
Trích lập dự phòng bổ sung	(29.167.834)	(1.158.031.584)
Hoàn nhập dự phòng	2.428.991.791	47.000.000
Xóa nợ đã trích lập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(29.167.834)	(2.428.991.791)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	12.364.512.795	-	15.317.484.530	(4.383.907.886)
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.845.480.346	-	5.428.227.176	-
- Thành phẩm ⁽²⁾	85.102.336.804	-	48.541.653.926	(1.446.909.764)
- Hàng hóa ⁽³⁾	56.790.851.151	-	65.019.468.276	(2.232.101.783)
Cộng	160.103.181.096	-	134.306.833.907	(8.062.919.433)

Trong đó, giá trị Hàng tồn kho cuối năm dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng là 107.048.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.19).

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là sợi quang, dây thép dùng để sản xuất cáp đồng, cáp mạng lan.

⁽²⁾ Thành phẩm cuối năm chủ yếu là cáp đồng, cáp mạng lan.

⁽³⁾ Hàng hóa cuối năm chủ yếu là vỏ xe.

8. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản cho vay Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên vay theo Hợp đồng tín dụng số 1810/VK-TK/2020 ngày 18/10/2020. Kỳ hạn: 24 tháng. Lãi suất 6%/năm, bằng hình thức tính chấp.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
- Số đầu năm	71.374.713.047	194.591.146.119	14.653.410.446	3.430.331.327	582.385.154	284.631.986.093
- Mua trong năm	-	10.253.665.789	-	-	-	10.253.665.789
- Thanh lý	-	(380.000.001)	(1.375.454.547)	-	-	(1.755.454.548)
Số cuối năm	71.374.713.047	204.464.811.907	13.277.955.899	3.430.331.327	582.385.154	293.130.197.334
Giá trị hao mòn						
- Số đầu năm	22.604.122.634	163.084.833.432	12.171.243.458	2.549.138.580	582.385.154	200.991.723.258
- Khấu hao trong năm	3.846.256.527	7.222.983.959	1.004.211.688	447.100.428	-	12.520.552.602
- Thanh lý	-	(380.000.000)	(870.316.552)	-	-	(1.250.316.552)
Số cuối năm	26.450.379.161	169.927.817.391	12.305.138.594	2.996.239.008	582.385.154	212.261.959.308
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	48.770.590.413	31.506.312.687	2.482.166.988	881.192.747	-	83.640.262.835
Số cuối năm	44.924.333.886	34.536.994.516	972.817.305	434.092.319	-	80.868.238.026

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 146.180.891.643 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 3.495.457.150 đồng (xem tại Thuyết minh V.19).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất ⁽¹⁾	Bản quyền, phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
- Số đầu năm	19.448.977.077	468.973.406	19.917.950.483
- Tăng trong năm	6.500.000.000	-	6.500.000.000
- Giảm khác	(15.800.000.000)	-	(15.800.000.000)
Số cuối năm	10.148.977.077	468.973.406	10.617.950.483
Giá trị hao mòn			
- Số đầu năm	3.783.672.927	422.973.407	4.206.646.334
- Khấu hao trong năm	692.697.352	12.000.000	704.697.352
- Giảm khác	(2.106.666.672)	-	(2.106.666.672)
Số cuối năm	2.369.703.607	434.973.407	2.804.677.014
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	15.677.304.149	34.000.000	15.711.304.149
Số cuối năm	7.779.273.470	33.999.999	7.813.273.469

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 372.973.406 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay: 1.291.273.469 đồng (xem tại Thuyết minh V.19).

(*) Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cuối năm bao gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 387309, thửa số 4701, tờ bản đồ số 5 (2AB.9). Thời hạn sử dụng đến 6/8/2023.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 179285, 1 phần thửa số 2922, tờ bản đồ số 4 (2BA.8). Thời hạn sử dụng đến 8/10/2053.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 527855, thửa số 02. Thời hạn sử dụng đất đến 5/12/2045.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 621653, thửa đất số 209, tờ bản đồ số 17. Thời hạn sử dụng: lâu dài.

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý ⁽¹⁾	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Dầu tư vào đơn vị khác	36.000.000.000	36.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000	-
Công ty TNHH SX TM Khang Gia Hưng ⁽²⁾	36.000.000.000	36.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000	-
Cộng	36.000.000.000	36.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000	-

⁽¹⁾ Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và không có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư với mức dự phòng. Mức dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

⁽²⁾ Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Khang Gia Hưng ("Khang Gia Hưng") (được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 8/3/2017; vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng), Công ty đã góp đủ phần vốn góp 36.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Khang Gia Hưng. Khang Gia Hưng hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại các sản phẩm nhựa, cáp. Tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Khang Gia Hưng là 18,00%.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thuê đất	1.680.469.508	1.733.244.593
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, các chi phí khác	11.566.709.448	4.344.508.834
Cộng	13.247.178.956	6.077.753.427

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	6.077.753.427	6.375.953.039
Phát sinh trong năm	12.300.473.089	6.860.865.168
Phân bổ trong năm	(5.131.047.560)	(7.159.064.780)
Cộng	13.247.178.956	6.077.753.427

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả cho các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải trả cho các người bán khác</i>	31.447.780.357	31.447.780.357	54.422.635.992	54.422.635.992
- Công ty CP Sametel	11.631.847.404	11.631.847.404	-	-
- Maxxis International (Thailand) Co., Ltd	11.372.981.699	11.372.981.699	3.904.402.935	3.904.402.935
- Các người bán khác	8.442.951.254	8.442.951.254	50.518.233.057	50.518.233.057
Cộng	31.447.780.357	31.447.780.357	54.422.635.992	54.422.635.992

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả tiền trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả tiền trước của các người mua khác</i>	71.331.186	12.341.478.918
- Công ty TNHH TM SX và DV Vạn Khang	65.174.700	-
- Các người mua trả tiền trước khác	6.156.486	12.341.478.918
Cộng	71.331.186	12.341.478.918

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT	737.986.283	-	-	(737.986.283)	-	-
- Thuế GTGT nhập khẩu	-	-	6.499.387.326	(6.499.387.326)	-	-
- Thuế TNDN	1.090.059.799	-	805.284.427	(715.807.295)	1.179.536.931	-
- Thuế TNCN	15.487.000	-	384.523.572	(267.115.390)	132.895.182	-
- Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	1.843.533.082	-	7.692.195.325	(8.223.296.294)	1.312.432.113	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN phải nộp trong năm được dự tính như sau:		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.127.529.242	1.281.161.170
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	898.892.895	115.014.731
+ Chi phí không được trừ	898.892.895	115.014.731
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	4.026.422.137	1.396.175.901
Chuyển lỗ các kỳ trước sang	-	-
Thu nhập tính thuế	4.026.422.137	1.396.175.901
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo Thu nhập tính thuế trong năm	805.284.427	279.235.180
Thuế TNDN phải nộp truy thu của năm trước	-	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp	805.284.427	279.235.180

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	633.883.707	783.536.323
- Chi phí phải trả khác	-	143.000.000
Cộng	633.883.707	926.536.323

17. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ tức phải trả	1.439.115.400	1.439.115.400
- Phải trả khác	282.507.101	962.197.223
Cộng	1.721.622.501	2.401.312.623

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	281.786.489.529	281.786.489.529	299.744.061.755	299.744.061.755
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Sài Gòn ⁽¹⁾	25.166.607.675	25.166.607.675	29.737.165.679	29.737.165.679
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai ⁽²⁾	26.852.808.594	26.852.808.594	29.643.224.500	29.643.224.500
- Ngân hàng TNHH United Overseas - CN Tp.HCM ⁽³⁾	21.991.125.860	21.991.125.860	22.699.513.793	22.699.513.793
- Ngân hàng TMCP Phương Đông CN Tân Bình ⁽⁴⁾	-	-	25.734.653.230	25.734.653.230
- Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN I ⁽⁵⁾	-	-	6.749.347.550	6.749.347.550
- Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Tp.HCM ⁽⁶⁾	49.133.537.358	49.133.537.358	42.780.353.512	42.780.353.512
- Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Dương ⁽⁷⁾	19.786.925.942	19.786.925.942	19.717.017.290	19.717.017.290
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ⁽⁸⁾	99.786.888.320	99.786.888.320	99.982.739.601	99.982.739.601
- Ngân hàng First Commercial Bank - CN Tp.HCM ⁽⁹⁾	39.068.595.780	39.068.595.780	22.700.046.600	22.700.046.600
Cộng	281.786.489.529	281.786.489.529	299.744.061.755	299.744.061.755

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - CN Sài Gòn, theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 5230842.21 ngày 01/02/2021. Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay: 06 tháng đối với sản xuất cấp, 04 tháng đối với thương mại lớp xe. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Bất động sản tại thửa đất số 10, tờ bản đồ số 58, ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hoà, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long theo Hợp đồng thuê lại đất số 19/2014/HĐTD - BM; Hợp đồng tiền gửi của Công ty do VIB phát hành trị giá tối thiểu 22.282.000.000 đồng (xem Thuyết minh V.2); Hàng tồn kho luân chuyển tối thiểu của Công ty 60.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.7).

⁽²⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 546/2021/HĐTD/DNI/01 ngày 22/06/2021. Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay: 06 tháng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Hợp đồng tiền gửi của Công ty trị giá 25.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.2); Nợ phải thu khách hàng luân chuyển cuối năm của Công ty tối thiểu 30.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.3); QSDĐ của Công ty số CO 387309 tại phường Bình An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương với tổng nguyên giá tại ngày 31/12/2021 là 6.040.349.996 đồng và giá trị còn lại tại 31/12/2021 là 1.454.324.732 đồng (xem tại Thuyết minh V.10).

⁽³⁾ Là khoản vay Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 10220151214-01 ngày 14/12/2015 và Bản sửa đổi thứ hai Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CAL/18176 ngày 15/01/2019. Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Hợp đồng tiền gửi của Công ty với trị giá 3.500.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.2); Hàng hóa tồn kho luân chuyển cuối năm của Công ty với giá trị 1.200.000 USD (tương đương 27.048.000.000 đồng) (xem Thuyết minh V.7); Máy móc, thiết bị của Công ty với tổng nguyên giá tại ngày 31/12/2021 là 8.155.537.740 đồng và giá trị còn lại tại 31/12/2021 là 2.216.381.398 đồng (xem tại Thuyết minh V.9).

⁽⁴⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – CN Tân Bình, theo Hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 0070/2021/HĐTD-OCB-DN ngày 04/02/2021. Công ty đã ngưng sử dụng hạn mức. Ngân hàng đã thực hiện giải tỏa các tài sản thế chấp.

⁽⁵⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN 1 Tp. HCM, theo Hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 053/2020-HĐCVHM/NHCT902-VCOM ngày 30/06/2020. Công ty đã ngưng sử dụng hạn mức. Ngân hàng đã thực hiện giải tỏa các tài sản thế chấp.

⁽⁶⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội – CN Tp. HCM, theo Hợp đồng cho vay theo Hợp đồng tín dụng số 26856.20.101.301602.TT ngày 19/06/2020. Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp tín dụng: đến hết ngày 25/05/2021. Thời hạn vay: 04 tháng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: QSDĐ của Công ty số AL 527855 tại phường Bình An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương với tổng nguyên giá tại ngày 31/12/2021 là 46.402.355 đồng và giá trị còn lại tại 31/12/2021 là 34.172.283 đồng (xem tại Thuyết minh V.10).

⁽⁷⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương, theo Hợp đồng cấp tín dụng số 005K21 ngày 25/01/2021. Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng: đến hết ngày 24/01/2021. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Hợp đồng tiền gửi của Công ty với trị giá 10.000.000.000 đồng (xem Thuyết minh V.2); Nợ phải thu luân chuyển cuối năm của Công ty tối thiểu 10.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.3); Hàng tồn kho luân chuyển cuối năm của Công ty tối thiểu 20.000.000.000 đồng (xem tại thuyết minh V.7).

⁽⁸⁾ Là khoản vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 330/2020/HĐHM/CMB ngày 01/10/2020. Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng. Thời gian cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay: không quá 06 tháng. Lãi suất: theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh. Tài sản thế chấp: QSDĐ và tài sản trên đất của Công ty số BA179285 tại Thửa 9183, Tờ bản đồ số 4 (2BA.8) tại phường Bình An, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương và Phương tiện vận tải của Công ty với tổng nguyên giá tại ngày 31/12/2021 là 1.439.671.850 đồng và giá trị còn lại tại 31/12/2021 là 955.166.850 đồng (xem tại Thuyết minh V.9, V.10).

⁽⁹⁾ Là khoản vay Ngân hàng First Commercial Bank - CN Tp.HCM, theo Hợp đồng cho vay hạn mức số TRTD-H30210044 ngày 10/06/2021 và số TRTD-H30210059 ngày 10/06/2021. Tổng hạn mức tín dụng của: 40.000.000.000 đồng. Thời hạn cấp tín dụng: trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay: 150 ngày. Lãi suất: theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh. Tài sản thế chấp: Hợp đồng tiền gửi của Công ty với trị giá 20.000.000.000 đồng (xem Thuyết minh V.2).

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</i>	119.408.080.004	119.408.080.004	1.028.660.000	1.028.660.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN quận 11 ⁽¹⁾	308.080.000	308.080.000	678.160.000	678.160.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình	-	-	350.500.000	350.500.000
- Trái phiếu dài hạn ⁽²⁾	119.100.000.004	119.100.000.004	-	-
Cộng	119.408.080.004	119.408.080.004	1.028.660.000	1.028.660.000

⁽¹⁾ Là khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN quận 11, hợp đồng cho vay số SME/Q11/18/0045/HĐTD ngày 29/10/2018. Số tiền vay: 1.480.000.000 đồng; mục đích vay: mua xe ô tô Volkswagen Sharan. Thời hạn vay: 48 tháng. Tài sản thế chấp: xe ô tô Volkswagen Sharan biển số 61A-531.43 với nguyên giá tại ngày 31/12/2021 là 1.871.818.182 đồng, giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 là 1.279.075.752 đồng (xem tại thuyết minh V.9).

⁽²⁾ Là khoản vay bằng hình thức phát hành trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo.

Đại lý lưu ký: Công ty CP Chứng khoán HDB.
Giá trị trái phiếu đã phát hành: 119.100.000.004 đồng.

Mục đích phát hành: mua lại toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty CP Louis Land tại Công ty TNHH Toccoo Việt Nam (tương đương 85% vốn điều lệ).

Ngày đáo hạn: 09/06/2023.

Lãi suất: 12%/năm.

Tài sản đảm bảo:

- Nhà máy đá Bình Thuận bao gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số CH369969 tọa lạc tại xã Thăng Hải huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp BIDICO).

- Quyền sử dụng, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Giấy chứng nhận số BR626016 tọa lạc tại Thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (thuộc sở hữu của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng	300.772.721.755	775.050.615.799	(793.728.768.025)	282.094.569.529
Trái phiếu dài hạn	-	119.100.000.004	-	119.100.000.004
Cộng	300.772.721.755	894.150.615.803	(793.728.768.025)	401.194.569.533

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
- Số dư đầu năm	1.010.924.061	1.681.812.278
- Trích lập trong năm	50.096.300	104.412.269
- Sử dụng trong năm	(1.016.602.000)	(775.300.486)
Số dư cuối năm	44.418.361	1.010.924.061

20. Vốn chủ sở hữu

20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiết tình hình biến động vốn chủ sở hữu xem tại Phụ lục 01.

20.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.3. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	721.000	721.000
- Cổ phiếu phổ thông	721.000	721.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.279.000	19.279.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.279.000	19.279.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

20.4. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện phân phối Lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 156/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 27/04/2021, chi tiết như sau:

Chi tiết gồm:	Số tiền
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	50.096.300
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	50.096.300
- Chia cổ tức	-
Cộng	100.192.600

21. Tài khoản ngoài bảng

Nợ khó đòi đã xóa

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Phát triển Đô thị Việt Nam	1.482.868.860	1.482.868.860
- Nhà đất Đạt Thịnh	943.928.940	943.928.940
- Công ty CP Xây dựng Cấp thoát nước số 15	770.283.296	770.283.296
- Các khách hàng khác	1.807.798.208	1.807.798.208
Cộng	5.004.879.304	5.004.879.304

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	111.203,34	167.548,91

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	881.837.962.781	1.026.638.735.707
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	4.131.680.164	7.715.269.981
Cộng	885.969.642.945	1.034.354.005.688

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng bán	841.499.103.529	979.710.356.833
- Giá vốn hoạt động cho thuê mặt bằng	2.896.718.000	4.029.259.701
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	258.564.875	685.668.920
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.321.484.308)	(34.774.800)
Cộng	836.332.902.096	984.425.285.454

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi và tiền cho vay	4.990.551.264	4.420.513.104
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	158.925.406	287.964.629
- Doanh thu tài chính khác	-	52.915.951
Cộng	5.149.476.670	4.761.393.684

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay, trái phiếu	22.823.646.802	19.723.837.054
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	584.250.669	478.488.472
Cộng	23.407.897.471	20.202.325.526

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	5.902.193.412	7.093.817.392
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.774.829.207	1.840.540.059
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	7.141.568.724	7.428.930.850
Cộng	14.818.591.343	16.363.288.301

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	5.197.612.144	5.205.498.690
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.332.387.513	1.446.802.164
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	29.167.834	1.158.031.584
- Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.428.991.791)	(47.000.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	6.878.736.795	9.138.899.206
Cộng	11.008.912.495	16.902.231.644

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu từ thanh lý TSCĐ	520.002.043	100.000.000
- Thu nhập khác	64.746.931	40.525.219
Cộng	584.748.974	140.525.219

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí phạt vi phạm và phạt chậm nộp	633.195.299	2.747.474
- GTCL của TSCĐ thanh lý	505.137.996	-
- Chi phí khác	33.904.947	78.885.022
Cộng	1.172.238.242	81.632.496

9. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.322.244.815	1.001.925.990
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(50.096.300)	(50.096.300)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.272.148.515	951.829.690
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cp)	19.279.000	19.279.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	118	52

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm trích bằng với mức trích của năm trước (theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 156 NQ/DHĐCĐ/VCOM/2021 ngày 27/04/2021).

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.322.244.815	1.001.925.990
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(50.096.300)	(50.096.300)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.272.148.515	951.829.690
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (cp)	19.279.000	19.279.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)	118	52

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.876.342.347	89.595.501.307
- Chi phí nhân công	17.772.897.707	21.313.463.252
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.225.249.954	15.256.204.854
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	18.278.773.886	19.679.509.304
Cộng	119.153.263.894	145.844.678.717

VII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3.1. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
<i>Lương, thưởng, thù lao</i>			
Ông Trịnh Văn Bảo	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 08/12/2021)	-	-
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 08/12/2021)	-	-
Ông Ngô Thục Vũ	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 08/12/2021)	-	-
Ông Nguyễn Thiện Canh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 08/12/2021)	-	-
Ông Huỳnh Thanh Tùng	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 08/12/2021)	-	-
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	338.000.000	360.000.000
Ông Võ Thiên Chương	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm Chủ tịch ngày 08/12/2021, TGD ngày 30/11/2021)	970.069.982	895.674.032
Ông Phạm Linh	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	93.889.000	100.000.000
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	-	46.000.000
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	93.889.000	54.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	93.889.000	100.000.000
Ông Hồ Đăng Dân	Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 08/12/2021)	-	-
Bà Phạm Thư Thảo	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 08/12/2021)	-	-
Ông Phạm Minh Vương	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 08/12/2021)	-	-
Ông Lê Minh Chí	Trưởng BKS (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	286.890.900	374.105.032
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	56.333.000	60.000.000
Ông Lê Thanh Duy	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 08/12/2021)	56.333.000	60.000.000

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Trần Hoàng An	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06/11/2021)	101.035.000	-
Ông Nguyễn Đức Lộc	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30/11/2021)	-	-
Bà Trần Ngọc Mai	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09/11/2021)	13.609.000	-
Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 30/11/2021)	461.784.160	550.674.292
Ông Đỗ Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc thường trực (miễn nhiệm ngày 30/11/2021)	473.322.320	537.534.032
Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng	257.120.698	256.451.832
<i>Cổ tức được nhận</i>		-	-
Cộng		3.296.165.060	3.394.439.220

3.2. Giao dịch với bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang	Có cùng thành viên chủ chốt trong Hội đồng quản trị

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang thực hiện đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty bằng tài sản của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (xem tại Thuyết minh V.19).

4. Báo cáo bộ phận

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Bán hàng: chủ yếu là vỏ xe, cáp điện,...
- Cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng.

• Năm nay

Chỉ tiêu	Bán hàng	Cho thuê mặt bằng	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	880.002.165.081	4.131.680.164	884.133.845.245
- Giá vốn hàng bán	833.436.184.096	2.896.718.000	836.332.902.096
Lợi nhuận gộp	46.565.980.985	1.234.962.164	47.800.943.149

• Năm trước

Chỉ tiêu	Bán hàng	Cho thuê mặt bằng	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.027.881.751.857	6.472.253.831	1.034.354.005.688
- Giá vốn hàng bán	980.029.444.354	4.395.841.100	984.425.285.454
Lợi nhuận gộp	47.852.307.503	2.076.412.731	49.928.720.234

Khu vực địa lý

• Năm nay

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	860.911.510.692	23.222.334.553	884.133.845.245
- Giá vốn hàng bán	817.983.606.796	18.349.295.300	836.332.902.096
Lợi nhuận gộp	42.927.903.896	4.873.039.253	47.800.943.149

• Năm trước

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	996.788.043.232	37.565.962.456	1.034.354.005.688
- Giá vốn hàng bán	952.746.262.414	31.679.023.040	984.425.285.454
Lợi nhuận gộp	44.041.780.818	5.886.939.416	49.928.720.234

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản của Công ty thế chấp cho đơn vị khác

Công ty dùng các khoản tiền gửi tiết kiệm, các khoản nợ phải thu của khách hàng, các hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh V.19). Tổng giá trị các tài sản tại ngày 31/12/2021 dùng để thế chấp là 233.447.432.640 đồng (xem tại Thuyết minh V.2, V.7, V.9, V.10).

Tài sản của bên khác đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty

Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp Bidico thực hiện đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu của Công ty bằng tài sản của Công ty TNHH MTV Đá thạch anh cao cấp BIDICO (xem tại Thuyết minh V.19).

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Người lập
Kế toán trưởng
Lâm Thị Hồng Thuận
Nguyễn Thị Huệ Hằng
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đại diện theo pháp luật
CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS
TP. DĨ AN - TỈNH BÌNH DƯƠNG
Trần Lý Lạc Long Giang

PHỤ LỤC: TÍNH HÌNH TĂNG GIÁM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	1	2	3	4	5	6
A						
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020						
Tại ngày 01/01/2020	200.000.000.000	11.384.120.000	(3.811.929.315)	13.403.483.592	19.681.621.403	240.657.295.680
Tăng trong năm	-	-	-	104.412.269	1.001.925.990	1.106.338.259
- Lợi trong năm	-	-	-	-	1.001.925.990	1.001.925.990
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	104.412.269	-	104.412.269
Giảm trong năm	-	-	-	-	(208.824.538)	(208.824.538)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(104.412.269)	(104.412.269)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(104.412.269)	(104.412.269)
Tại ngày 31/12/2020	200.000.000.000	11.384.120.000	(3.811.929.315)	13.507.895.861	20.474.722.855	241.554.899.401
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021						
Tại ngày 01/01/2021	200.000.000.000	11.384.120.000	(3.811.929.315)	13.507.895.861	20.474.722.855	241.554.899.401
Tăng trong năm	-	-	-	50.096.300	2.322.244.815	2.372.341.115
- Lợi trong năm	-	-	-	-	2.322.244.815	2.322.244.815
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	50.096.300	-	50.096.300
Giảm trong năm	-	-	-	-	(100.192.600)	(100.192.600)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(50.096.300)	(50.096.300)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(50.096.300)	(50.096.300)
Tại ngày 31/12/2021	200.000.000.000	11.384.120.000	(3.811.929.315)	13.557.992.161	22.696.775.070	243.826.957.916

Hết Bình Dương, ngày 15 tháng 01 năm 2022.

Nguyễn Lập

Kế toán trưởng

Lâm Thị Hồng Thảo

Nguyễn Thị Châu Giang
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đỗ Thị Ngọc Bích

Trần Thị Lạc Long Giang



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN VKC HOLDINGS

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Trần Thị Lạc Long Giang